



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 30/2022
Từ 01/8 - 05/8/2022

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI

024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: NGÀNH NGÂN HÀNG GIỮ VỮNG NGỌN CỜ TIÊN PHONG TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐỂ TOÀN DÂN THAM GIA, DÂN HƯỞNG LỢI

Sáng ngày 04/8, tại Hà Nội, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, dự và phát biểu chỉ đạo tại sự kiện Chuyển đổi số ngành Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổ chức.



Thủ tướng Phạm Minh Chính nhấn mạnh: Ngành ngân hàng giữ vững ngọn cờ tiên phong trong chuyển đổi số để toàn dân tham gia, toàn dân hưởng lợi. Ảnh: VGP/Nhật Bắc

Huyết mạnh của nền kinh tế đang chuyển đổi số nhanh chóng

Phát biểu tại sự kiện, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Nguyễn Thị Hồng cho biết, tại Quyết định 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình "Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030", tài chính - ngân hàng được xác định là một trong 8 lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số ngành ngân hàng do Thống đốc là Trưởng Ban Chỉ đạo; phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số ngành ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Ngày 11/5 được chọn là Ngày chuyển đổi số ngành Ngân hàng.

Kế hoạch được xây dựng, tiếp cận theo hướng đặt người dân, khách hàng ở vị trí trung tâm, với các mục tiêu rất cụ thể đến năm 2025, như 50% các nghiệp vụ ngân hàng được số hóa, 70% giao dịch khách hàng thực hiện trên kênh số, 50% khoản vay nhỏ lẻ, vay tiêu dùng khách hàng cá nhân được số hóa, tự động...

Theo Thông đốc, việc phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số ngân hàng có thể xem là dấu mốc có ý nghĩa rất quan trọng, thể hiện sự chủ động, sáng tạo, bám sát chủ trương, định hướng của Đảng, Chính phủ và thống nhất ý chí, hành động toàn ngành để tạo sức mạnh cộng hưởng to lớn giúp ngành ngân hàng phát triển bền vững trong kỷ nguyên số, tiếp tục tiên phong trong triển khai Chương trình chuyển đổi số quốc gia và đóng góp tích cực cho sự phát triển nền kinh tế số Việt Nam.

Theo Vụ Thanh toán (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam), các dịch vụ ngân hàng trên nền tảng số tại Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là dịch vụ thanh toán điện tử có tốc độ số hóa, tăng trưởng nhanh. Trong 6 tháng đầu năm 2022, giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt tăng 77,2% về số lượng và 29,8% về giá trị.

Có 68% người Việt Nam trưởng thành có tài khoản ngân hàng; 5,5 triệu tài khoản và khoảng 8,9 triệu thẻ ngân hàng được mở bằng phương thức điện tử (eKYC, tính đến tháng 6/2022); 1,77 triệu tài khoản Mobile-money đã được mở, trong đó hơn 67% được mở tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa...

Nhiều ngân hàng Việt Nam chuyển đổi số ở top đầu hiện đã đạt 90% giao dịch khách hàng thực hiện trên kênh số, vượt sớm và xa mục tiêu đặt ra tại Kế hoạch chuyển đổi số ngân hàng là 70% năm 2025. Nhiều tổ chức tín dụng có hiệu quả hoạt động tốt nhờ tích cực chuyển đổi số, giảm tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) xuống ngưỡng 30%, tiệm cận tỷ lệ mà nhiều ngân hàng khu vực, quốc tế đang chuyển đổi số nỗ lực hướng tới.

Theo hãng tư vấn chiến lược toàn cầu McKinsey, năm 2021, ngành ngân hàng Việt Nam được đánh giá có mức độ ứng dụng ngân hàng số với tốc độ nhanh nhất trong khu vực, cao hơn mức tăng bình quân của toàn khu vực và thậm chí cao hơn mức tăng bình quân của thị trường mới nổi.

Bộ trưởng Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng đánh giá, ngành ngân hàng đi đầu về ứng dụng công nghệ thông tin, vừa do áp lực phát triển, vừa do sự quan tâm của lãnh đạo ngành. Là huyết mạch của nền kinh tế, ngành ngân hàng chuyển đổi số nhanh sẽ giúp cả nước chuyển đổi số nhanh.

Phân tích về sự khác biệt giữa công nghệ thông tin và chuyển đổi số, Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng cho rằng quá trình chuyển đổi số sẽ chuyển trọng tâm từ chính quyền sang người dân, từ tổ chức sang nhân viên, từ doanh nghiệp sang khách hàng. Công nghệ thông tin tập trung vào mang lại giá trị cho nhà quản lý nhiều hơn. Phục vụ nhà quản lý, làm dễ việc cho họ. Chuyển đổi số tập trung vào mang lại giá trị cho người dùng, cho khách hàng, cho người dân, lấy người dân, người dùng, người sử dụng làm trung tâm.

Xu thế tất yếu, khách quan, yêu cầu bắt buộc, cấp thiết

Phát biểu chỉ đạo, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nhấn mạnh đây là sự kiện quan trọng, khẳng định nỗ lực lớn, quyết tâm cao của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, của ngành Ngân hàng trong tiến trình đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia hướng đến chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số.

Dành nhiều thời gian phân tích các yếu tố nền tảng để xây dựng và phát triển đất nước, Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, Việt Nam quyết tâm xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ ngày càng cao, đủ sức chống chịu với những biến động bên ngoài, gắn với chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả; lấy nội lực là cơ bản, chiến lược, quyết định, lâu dài, ngoại lực là quan trọng, đột phá; tập trung thực hiện 3 đột phá chiến lược về thể chế, nhân lực và hạ tầng.

Nội lực gồm con người, thiên nhiên và truyền thống văn hóa - lịch sử, trong đó, yếu tố quyết định là con người. Còn ngoại lực đến từ nghiên cứu, tham khảo, tiếp nhận hỗ trợ về thể chế, quản trị, khoa học công nghệ, nguồn vốn, đào tạo nhân lực từ bạn bè, đối tác quốc tế.

"Lấy nguồn lực bên ngoài bổ sung cho bên trong và nguồn lực bên trong phát triển được thì sẽ thu hút được nguồn lực bên ngoài. Với những kết quả đã đạt được sau 35 năm đổi mới, chúng ta thích ứng và tham gia vào các xu thế của thời đại với tinh thần tích cực, chủ động, tự tin, bản lĩnh vững vàng", Thủ tướng Chính phủ chia sẻ.

Người đứng đầu Chính phủ nhấn mạnh: Chuyển đổi số là xu thế tất yếu, khách quan trong quá trình phát triển, là yêu cầu bắt buộc, cấp thiết, tác động tới tất cả mọi người dân, mọi hoạt động của nền kinh tế. Do đó, chúng ta phải có cách tiếp cận toàn dân, người dân là trung tâm thì mọi hoạt động chuyển đổi số phải hướng tới người dân, người dân là chủ thể thì mọi người dân phải được tham gia và hưởng lợi. Chỉ có như vậy thì chuyển đổi số mới thành công.

Thủ tướng Chính phủ khẳng định, Đảng, Nhà nước ta rất coi trọng và xem đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên hàng đầu. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đề cập sâu sắc về chuyển đổi số trong các mục tiêu, quan điểm phát triển và đột phá chiến lược. Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó nhấn mạnh yêu cầu cấp bách để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Tinh thần là chuyển đổi số một cách toàn diện, mạnh mẽ với sự tham gia của người dân, doanh nghiệp và Nhà nước, nhưng phải có trọng tâm, trọng điểm, dễ làm trước, khó làm sau, đi từ thấp đến cao, từ nhỏ đến lớn, từ đơn giản đến phức tạp. Theo Thủ tướng Chính phủ, ngành Ngân hàng hội tụ đủ những yếu tố để tiên phong trong tiến trình đó. Nhìn rộng hơn, những ngành có nhiều quan hệ với người dân và doanh nghiệp phải đóng vai trò tiên phong.

Chuyển đổi số triển khai một cách tổng thể đảm bảo hiệu quả, không được lãng phí nguồn lực

Thủ tướng Chính phủ đánh giá lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và toàn ngành ngân hàng đã nhận thức rõ và chỉ đạo, triển khai quyết liệt trong vấn đề này nhằm chuyển đổi

hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước, dịch vụ sang môi trường số, đạt nhiều kết quả bước đầu rất đáng trân trọng, đưa ra nhiều sản phẩm, dịch vụ thiết thực phục vụ kịp thời, hiệu quả người dân, doanh nghiệp, góp phần quan trọng vào công cuộc chuyển đổi số quốc gia

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng đã tích cực phối hợp với Bộ Công an triển khai Đề án 06 về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Bên cạnh những kết quả tích cực, Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, quá trình chuyển đổi số quốc gia và chuyển đổi số ngân hàng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Cơ chế, chính sách còn nhiều bất cập, vướng mắc, nhất là về định danh, xác thực điện tử...; kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin còn bất cập, kết nối, khai thác dữ liệu dân cư, bảo hiểm, thuế... còn ở phạm vi hẹp; sự tham gia phối hợp các doanh nghiệp công nghệ tài chính còn hạn chế; tội phạm công nghệ cao với hình thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi hơn; các nguồn lực, nhất là nhân lực trình độ cao cho chuyển đổi số còn thiếu hụt, trong đó có nhân lực công nghệ thông tin.

Thời gian tới, tình hình thế giới và khu vực sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, tác động sâu rộng tới các quốc gia. Nêu rõ cần xác định khó khăn, thách thức nhiều hơn cơ hội và thuận lợi, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh một số yêu cầu đặt ra như thúc đẩy thay đổi tư duy, phương pháp luận, phương thức làm việc của ngành ngân hàng theo hướng hiện đại; thúc đẩy phát triển thương mại điện tử, phát triển xã hội số, kinh tế số, tiết giảm chi phí, bảo đảm an toàn, đổi mới, phát triển; đẩy mạnh tích hợp, kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành để từng bước xây dựng hệ sinh thái công dân số.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và ngành ngân hàng cần quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả hơn nữa trong chuyển đổi số; đánh giá kỹ tình hình, kết quả, nguyên nhân, hạn chế, bất cập, các bài học kinh nghiệm trong nước và quốc tế; phân tích, dự báo tình hình sắp tới, xác định mục tiêu ngắn hạn, trung hạn, dài hạn; xây dựng chương trình chuyển đổi số toàn ngành với lộ trình, giải pháp và nguồn lực phù hợp, cụ thể.

Về nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu, trước hết, cần tiếp tục chủ động nắm bắt nhu cầu thực tiễn của người dân, doanh nghiệp và các tổ chức tín dụng để rà soát, ban hành, sửa đổi, hoàn thiện các văn bản pháp lý phù hợp với thực tiễn và bối cảnh chuyển đổi số, tạo thuận lợi cho ứng dụng công nghệ số vào hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm, dịch vụ ngân hàng để nâng cao hiệu quả hoạt động và tạo sự hài lòng, gắn bó của khách hàng. Trong đó, tập trung rà soát, xây dựng, sửa đổi các văn bản luật của ngành: Luật Ngân sách nhà nước, Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Phòng chống rửa tiền, Luật Bảo hiểm tiền gửi...

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành khẩn trương hoàn thiện trình Chính phủ Nghị định thanh toán không dùng tiền mặt. Mặt khác, cần xây dựng, thử nghiệm và áp dụng khung pháp lý mới đối với phát triển công nghệ tài chính.

Hai là, chuyển đổi số triển khai một cách tổng thể đảm bảo hiệu quả, không được lãng phí nguồn lực; có trọng tâm, trọng điểm; tránh tình trạng "trăm hoa đua nở"; phân định rõ ứng dụng công nghệ và trung gian tài chính, tránh tình trạng doanh nghiệp công nghệ lấn sân sang

hoạt động trung gian tài chính. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cần tiếp tục đẩy mạnh đầu tư, phát triển các hạ tầng dùng chung của ngành như hạ tầng thanh toán, hạ tầng thông tin tín dụng để làm hạt nhân và theo kịp được nhu cầu phát triển của các tổ chức tín dụng, trung gian thanh toán. Đẩy mạnh kết nối, liên kết giữa ngân hàng, tổ chức tín dụng với các ngành, lĩnh vực khác nhằm mang lợi ích tổng thể cho người dân, doanh nghiệp.

Về thúc đẩy triển khai Đề án 06, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ Công an, tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Bộ, ngành liên quan để tích hợp, kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành để từng bước xây dựng hệ sinh thái công dân số mang lại giá trị mới và lợi ích mới thiết thực cho người dân, doanh nghiệp. Cùng với Đề án 06, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cần đẩy mạnh các dịch vụ công trực tuyến ngành ngân hàng trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Ba là, chú trọng bảo đảm an ninh, an toàn, bao gồm an ninh, an toàn hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, bảo mật thông tin khách hàng, dữ liệu cá nhân; cơ sở dữ liệu, thông tin dữ liệu, kết nối theo chuẩn; tăng cường kiểm tra, giám sát; phân tích dữ liệu để bảo đảm an ninh, an toàn cho toàn bộ hệ thống, cũng như phòng chống tội phạm, rửa tiền do hiện nay xu hướng gia tăng tội phạm công nghệ cao với nhiều thủ đoạn mới và ngày càng tinh vi.

Bốn là, tăng cường công tác tuyên truyền về lợi ích của chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng đến người dân, doanh nghiệp, giúp người dân, doanh nghiệp hiểu rõ về lợi ích và hiệu quả. Chuyển đổi số chỉ thực sự thành công khi mỗi một người dân, doanh nghiệp hiểu, tích cực tham gia và thụ hưởng các lợi ích mà chuyển đổi số mang lại.

Năm là, quan tâm hơn nữa công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là về nhân lực công nghệ; tăng cường kỷ cương, kỷ luật và đạo đức nghề nghiệp để phát huy cao nhất năng lực, trí tuệ của người lao động ngành ngân hàng nhằm phục vụ tốt hơn nữa người dân và doanh nghiệp.

Sáu là, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực chuyển đổi số để phát triển, tiếp nhận các công nghệ mới vào các hoạt động ngân hàng như công nghệ giao tiếp tầm gần (NFC), công nghệ thẻ thanh toán không tiếp xúc...

Thủ tướng Chính phủ tin tưởng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và ngành ngân hàng sẽ phát huy hơn nữa các kết quả đạt được, vượt qua các khó khăn, thách thức, giữ vững ngọn cờ tiên phong trong chuyển đổi số, nỗ lực triển khai vượt tiến độ tiến trình chuyển đổi số ngành ngân hàng, góp phần đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia hướng đến chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số.

Nguồn: baochinhphu.vn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: KẾT LUẬN PHIÊN HỌP CHÍNH PHỦ THƯỜNG KỲ THÁNG 7 NĂM 2022(*)

Kết luận phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 7/2022 diễn ra ngày 03/8, Thủ tướng Phạm Minh Chính nêu rõ, thời gian qua, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành tiếp tục được triển khai đồng bộ, quyết liệt, bài bản. Trong tháng 7, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ 14 Nghị quyết; 07 văn bản quy phạm pháp luật (05 nghị định, 02 quyết định quy phạm pháp luật của Thủ tướng). Tính chung 7 tháng, Chính phủ đã trình Quốc hội ban hành 06 Luật, 04 Nghị quyết; ban hành 93 Nghị quyết; 66 văn bản quy phạm (49 Nghị định, 17 quyết định quy phạm pháp luật của Thủ tướng).

Thông nhất với các đánh giá về những thành tựu, kết quả đạt được, Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, tình hình kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, thách thức. Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công còn thấp, 41/51 Bộ, cơ quan Trung ương và 18/63 địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt dưới mức trung bình cả nước.

Việc triển khai một số chương trình mục tiêu quốc gia, giải ngân vốn đầu tư công, xây dựng văn bản hướng dẫn và giải ngân vốn một số chính sách trong Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội còn chậm.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gặp khó khăn, nhất là do giá nhiều nguyên vật liệu đầu vào tăng cao; khó khăn về vốn, tín dụng...

Đời sống một bộ phận người dân khó khăn, nhất là vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thiệt hại do thiên tai tăng, tổng giá trị thiệt hại 5.624,5 tỷ đồng (gấp 7,3 lần cùng kỳ năm 2021).

Số ca mắc COVID-19 tăng do sự xuất hiện của biến chủng mới. Công tác tiêm vaccine phòng COVID-19 tại một số địa phương chưa đạt mục tiêu đề ra.

Trong số các nguyên nhân chủ quan và khách quan, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh nguyên nhân chủ quan là vẫn còn một số tập thể lãnh đạo, đặc biệt là người đứng đầu chưa thực sự sâu sát, quyết liệt, chưa bám sát công việc, kiểm tra đôn đốc và đôi khi còn lơ là, chủ quan.

Nhấn mạnh một số bài học kinh nghiệm, Thủ tướng Chính phủ cho rằng cần tuân thủ nghiêm sự lãnh đạo của Đảng; đoàn kết thống nhất, giữ vững kỷ cương, kỷ luật hành chính; hết sức bình tĩnh, giữ vững bản lĩnh, phát huy kinh nghiệm, nắm chắc tình hình, đánh giá đúng nguyên nhân để có nguyên nhân, giải pháp phù hợp.

Những trọng tâm và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thời gian tới

Về trọng tâm chỉ đạo, điều hành, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh yêu cầu "4 ổn định, 3 tăng cường, 2 đẩy mạnh, 1 tiết giảm và 1 kiên quyết không".

Theo đó, 4 ổn định gồm: Ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm các cân đối lớn; ổn định các loại thị trường tài chính, chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản và giá cả, thị trường các loại hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống

người dân; ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ; ổn định và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Phân tích cụ thể hơn, Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm các cân đối lớn là mục tiêu ưu tiên, xuyên suốt, vừa cấp bách, vừa lâu dài; ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ là nền tảng, là tiền đề của mọi thành công trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc ta.

Ba nội dung tăng cường gồm: Tăng cường nắm tình hình, phản ứng kịp thời, linh hoạt, hiệu quả; tăng cường năng lực hệ thống y tế, nhất là y tế dự phòng, y tế cơ sở và đặc biệt là tăng cường tiêm vaccine; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong hệ thống hành chính. Việc tăng cường nắm tình hình, phản ứng kịp thời, linh hoạt, hiệu quả rất có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, chưa có tiền lệ hiện nay.

Hai nội dung đẩy mạnh gồm: Đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, phát triển doanh nghiệp và tạo công ăn việc làm cho Nhân dân cùng với tăng cường phòng chống tham nhũng, tiêu cực; đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư, nhất là vốn đầu tư công và công tác quy hoạch.

Một tiết giảm là tiết kiệm triệt để, giảm mọi khoản chi tiêu không cần thiết. Một kiên quyết không là không điều hành giật cục, chuyển trạng thái đột ngột từ cực này sang cực kia mà luôn chủ động, khoa học, linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả.

Về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, trước hết, tập trung công tác hoàn thiện thể chế theo tinh thần Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bảo đảm chất lượng, tiến độ các đề án trình Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội; triển khai, thể chế hóa, cụ thể hóa các nghị quyết, kết luận của Đảng, Quốc hội.

Tiếp tục thực hiện nhất quán mục tiêu giữ vững ổn định nền tảng kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn, thúc đẩy tăng trưởng, phục hồi nhanh, phát triển bền vững.

Tập trung thực hiện tốt chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, giải ngân vốn đầu tư công và các chương trình mục tiêu quốc gia.

Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, thúc đẩy chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng chống chịu của nền kinh tế trước các cú sốc bên ngoài.

Chú trọng phát triển văn hoá xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm hài hoà với phát triển kinh tế. Tăng cường quốc phòng an ninh, giữ vững trật tự an toàn xã hội, phòng chống tham nhũng, tiêu cực.

Đẩy mạnh công tác đối ngoại, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa, là bạn tốt, đối tác tin cậy, thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển trong khu vực và trên thế giới.

Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ ngày càng cao gắn với tích cực, chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả, lấy nội lực là cơ bản, chiến lược, lâu dài, quyết định, ngoại lực là quan trọng, đột phá, thường xuyên.

Tăng cường thông tin - truyền thông, tạo động lực, cảm hứng và niềm tin cho nhân dân, ngăn chặn, vô hiệu hóa các thông tin xuyên tạc, bôi nhọ, sai sự thật, "lấy cái đẹp dẹp cái xấu", lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực; các cơ quan báo chí và truyền thông phải có kế hoạch truyền thông cụ thể, bài bản, chuyên nghiệp.

Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, từ kinh nghiệm "xương máu", vaccine vẫn là vũ khí chiến lược, lá chắn hiệu quả trong công tác phòng, chống dịch; cần tiếp tục đẩy nhanh tiêm vaccine phòng COVID-19 cho các nhóm đối tượng; theo sát diễn biến, sẵn sàng các phương án, kịch bản, nhân lực, trang thiết bị vật tư, y tế phục vụ khám chữa bệnh và cho công tác phòng, chống dịch trên phạm vi toàn quốc và ở từng địa bàn.

Thủ tướng Chính phủ một lần nữa nhấn mạnh, trong tình hình mới với những diễn biến phức tạp, khó lường, chưa có tiền lệ, nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn, quy mô còn hạn chế, sức chống chịu có hạn, nhiệm vụ là rất nặng nề, đề nghị các cấp, các ngành phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất, vai trò tập thể lãnh đạo và trách nhiệm người đứng đầu, bám sát tình hình thực tiễn, xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, khả thi, hiệu quả, phát hiện kịp thời, xử lý các vấn đề phát sinh, điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

Về các kiến nghị, Thủ tướng Chính phủ đề nghị các địa phương gửi trực tiếp Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ tập hợp, các cơ quan đưa ra lộ trình, phương án xử lý kịp thời, hiệu quả, tránh ách tắc.

(* *Ban biên tập Bản tin điện tử cải cách hành chính đặt*

Nguồn: baohinhphu.vn

TỔ CÔNG TÁC CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: KIỂM TRA, ĐÔN ĐỐC, ĐẨY MẠNH GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 TẠI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG (*)

*** Sáng ngày 01/8, tại Trụ sở Chính phủ, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Bình Minh chủ trì họp Tổ công tác số 1 của Thủ tướng Chính phủ đôn đốc giải ngân vốn đầu tư công tại 7 Bộ, cơ quan Trung ương và 4 địa phương.**

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ giao tổng số vốn ngân sách nhà nước trên 24.000 tỷ đồng cho 7 Bộ, cơ quan Trung ương và 4 địa phương thuộc Tổ công tác số 1, gồm: Tòa án Nhân dân Tối cao, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Ủy ban Dân tộc, Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh và các tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Hà Giang, Lạng Sơn.

Đến nay, Bộ Tư pháp và Tòa án Nhân dân Tối cao chưa phân bổ hết kế hoạch vốn. Số vốn này đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh cho các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương khác theo

quy định. Các bộ, ngành và địa phương còn lại đã hoàn thành phân bổ, giao vốn chi tiết cho từng nhiệm vụ, dự án.

Ước tỷ lệ giải ngân của 7 Bộ, cơ quan và 4 địa phương trong 7 tháng đầu năm đạt 15,43% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao năm 2022, thấp hơn so với mức bình quân chung của cả nước là 34,47%.

Lý giải nguyên nhân tỷ lệ giải ngân còn thấp, lãnh đạo các Bộ, cơ quan và địa phương cho rằng: Giá nguyên vật liệu tăng cao; vướng mắc trong bồi thường, giải phóng mặt bằng; sự quyết liệt trong tổ chức triển khai cùng với năng lực còn hạn chế của một số ban quản lý dự án... vẫn là những nút thắt chủ yếu.

Bên cạnh đó, các dự án mới đòi hỏi cần thời gian để hoàn tất mọi công tác chuẩn bị trước khi khởi công; một số địa phương bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, điều kiện thời tiết bất thường.

Tại cuộc họp, lãnh đạo 7 Bộ, cơ quan và 4 địa phương cam kết phấn đấu giải ngân hết số vốn được giao trong năm 2022.

Kết luận cuộc họp, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Bình Minh cho biết, kể từ phiên họp của Tổ công tác số 1 được tổ chức vào tháng 5/2022 đến nay, đã có 2/9 Bộ, cơ quan Trung ương (Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ) và 3/5 địa phương (Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa Thiên - Huế) thuộc Tổ công tác số 1 có tỷ lệ giải ngân đạt mức cao hơn mức bình quân chung của cả nước.

Đánh giá cao việc 7 Bộ, cơ quan Trung ương và 4 địa phương cam kết giải ngân hết số vốn được giao năm 2022, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ nhấn mạnh sự khác biệt nằm ở sự vào cuộc quyết liệt của mỗi Bộ, ngành và địa phương vì cùng một mặt bằng thể chế, vẫn có bộ, cơ quan và địa phương đạt tỷ lệ giải ngân tốt. Đặc biệt, có những cơ quan, địa phương đã ra khỏi danh sách có tỉ lệ giải ngân thấp hơn mức bình quân chung của cả nước sau phiên họp vào tháng 5 vừa qua.

Trường hợp không giải ngân được, các Bộ, ngành, địa phương nhanh chóng rà soát, đề xuất điều chuyển kế hoạch vốn cho các Bộ, cơ quan, địa phương khác đang cần vốn để triển khai.

Đối với vấn đề về giải phóng mặt bằng của các dự án xây dựng trụ sở cơ quan làm việc, Phó Thủ tướng Thường trực yêu cầu cần có sự tính toán tổng thể, chuẩn bị mặt bằng trước, đồng thời các địa phương phải phối hợp với các bộ, ngành Trung ương để sớm có mặt bằng triển khai các dự án.

Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ chỉ đạo Bộ Xây dựng nghiên cứu, đơn giản hóa việc phân cấp hơn nữa quy định liên quan đến quản lý đầu tư xây dựng công trình theo hướng phân cấp mạnh mẽ cho địa phương để tạo thuận lợi cho việc triển khai nhanh chóng các dự án đầu tư.

Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp các ý kiến, kiến nghị tại cuộc họp vào báo cáo chung về tình hình hình giải ngân vốn đầu tư công, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại phiên họp thường kỳ Chính phủ sắp tới.

*** Chiều ngày 01/8, Phó Thủ tướng Lê Văn Thành họp Tổ công tác số 4 của Thủ tướng Chính phủ về kiểm tra, đôn đốc, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 tại một số Bộ, ngành, cơ quan, địa phương.**

14 cơ quan, đơn vị gồm 9 Bộ, cơ quan Trung ương và 5 địa phương dự họp hôm nay là các cơ quan được giao đầu tư nhiều công trình dự án quan trọng, có ý nghĩa nhiều mặt đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương và đất nước.

Vướng nhiều khâu

Tổng số vốn giao năm 2022 khoảng 132.326 tỷ đồng (gồm 21.155 tỷ đồng vốn ngân sách Trung ương gồm 13.454 tỷ đồng vốn trong nước và 7.701,45 tỷ đồng vốn nước ngoài và 111.171 tỷ đồng vốn ngân sách địa phương). Trong đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao 6.438 tỷ đồng, Bộ Tài nguyên và Môi trường 1.706 tỷ đồng, Bộ Công Thương 825 tỷ đồng, Tập đoàn Điện lực Việt Nam 920 tỷ đồng, Hà Nội 51.583 tỷ đồng, Thành phố Hồ Chí Minh 54.268 tỷ đồng...

Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Thị Bích Ngọc cho biết, đến 30/6/2022, giá trị giải ngân đạt khoảng 22.689 tỷ đồng, bằng 17,1% kế hoạch giao (thấp so với bình quân cả nước khoảng 29,1% kế hoạch).

Về nguyên nhân chính ảnh hưởng đến công tác giải ngân, qua tổng hợp từ các Bộ, ngành và địa phương được kiểm tra cho thấy quá trình áp dụng một số quy định còn lúng túng, vướng mắc: Công tác chuẩn bị đầu tư (Thành phố Hồ Chí Minh phản ánh về định mức, nội dung lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi), áp dụng quy định về tách giải phóng mặt bằng đối với dự án nhóm B và nhóm C (báo cáo của Đắk Lắk), nhiều thủ tục phải xin ý kiến nhiều bộ, ngành (báo cáo của Hà Nội) do dự án phải thực hiện theo nhiều quy định pháp luật...

Việc triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng phải thực hiện nhiều bước, các bước phải lấy ý kiến nhiều cơ quan liên quan nên thời gian kéo dài, đại diện ý của tỉnh Đắk Lắk, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam phản ánh.

Quy trình, thủ tục cấp phép khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở các địa phương khá dài (từ 1,5 - 2 năm) ảnh hưởng nhiều đến tiến độ triển khai dự án đầu tư xây dựng, theo ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Giá nguyên, nhiên liệu tăng, gây khó khăn cho đơn vị thi công, ảnh hưởng tới tiến độ triển khai gói thầu, nhà thầu thi công cầm chừng, chờ điều chỉnh giá từ Nhà nước (ý kiến của Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đắk Lắk).

"Khó khăn vẫn là câu chuyện giải phóng mặt bằng mà lớn nhất là việc xác định nguồn gốc đất", Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội Hà Minh Hải nói.

Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Thị Bích Ngọc cho biết, theo kế hoạch trung hạn 2021 thì chủ yếu giao vốn cho các dự án chuyển tiếp và năm 2022 là năm đặc thù vì bắt đầu triển khai các dự án khởi công mới, nên thủ tục đầu tư cũng mất nhiều thời gian hơn, ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân những tháng đầu năm 2022. "Sau khi xong các thủ tục như đấu thầu, thiết kế cơ sở, giải phóng mặt bằng, thì việc giải ngân những tháng cuối năm sẽ được cải

thiện", Thứ trưởng Ngọc nói, vướng mắc chủ yếu vẫn là ở khâu triển khai dự án. Trong đó, khâu chuẩn bị dự án chưa tốt nên ảnh hưởng đến tốc độ giải ngân.

Cùng quan điểm, Thứ trưởng Bộ Tư pháp Phan Chí Hiếu cho rằng, vướng mắc liên quan đến quy định pháp luật của năm nay do các bộ, ngành, địa phương đề xuất ít hơn so với mọi năm, các vướng mắc chủ yếu do khâu tổ chức thực hiện.

Theo Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Trần Quý Kiên, vướng mắc liên quan đến đánh giá tác động môi trường không nhiều. Liên quan đến đất đai, Thứ trưởng Kiên cho biết, hiện Bộ Tài nguyên và Môi trường đã trình Chính phủ ban hành 1 nghị định sửa nhiều Nghị định để tháo gỡ các vướng mắc trong khi chờ ban hành Luật Đất đai (sửa đổi).

Rà soát, chuyển vốn cho dự án có khả năng giải ngân

Kết luận cuộc họp, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành nêu rõ, thúc đẩy đầu tư và giải ngân đầu tư công là nhiệm vụ quan trọng nhằm sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công, qua đó góp phần kích cầu, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo thêm nhiều việc làm, thu nhập cho người dân, doanh nghiệp cũng như thu hút các nguồn lực đầu tư xã hội khác.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, đặc biệt tại các dự án lớn, trọng điểm quốc gia.

Phó Thủ tướng Lê Văn Thành khẳng định, kết quả giải ngân tại các bộ, ngành, địa phương là chưa đạt yêu cầu (hơn 22% tính đến hết tháng 7/2022), còn thấp hơn bình quân chung cả nước (34,47% tính đến hết tháng 7).

Do đó, các bộ, ngành, địa phương phải rất nỗ lực, xác định rõ nguyên nhân, tìm ra giải pháp để đẩy nhanh tốc độ giải ngân, phấn đấu giải ngân toàn bộ trong tháng 12/2022.

Nhất trí với các ý kiến về nguyên nhân làm chậm giải ngân, Phó Thủ tướng Chính phủ cho rằng, các quy định pháp luật rất chặt chẽ, trong quá trình triển khai các bước đòi hỏi rất chuẩn xác. Bên cạnh đó, chuẩn bị dự án đầu tư chưa tốt cũng ảnh hưởng đến giải ngân.

Phó Thủ tướng Chính phủ lưu ý, các Bộ, ngành phải rất chú trọng từ khâu đầu tiên, từ đăng ký dự án đầu tư đến xây dựng đề án, phê duyệt chủ trương, lập dự án đầu tư... "Nếu không bảo đảm khâu này thì có vốn cũng không thực hiện được". Các Bộ, ngành, địa phương phải tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật, bảo đảm chất lượng công tác chuẩn bị hồ sơ, thẩm định, phê duyệt dự án.

Phó Thủ tướng Chính phủ đề nghị các địa phương rà soát các dự án sử dụng nguồn vốn địa phương đã được phân bổ vốn nhưng không khả thi trong năm nay, kịp thời điều chuyển vốn sang các công trình khác để bảo đảm giải ngân, hiệu quả đầu tư.

Đối với nguồn vốn Trung ương đã được phân bổ, các Bộ, ngành, địa phương cần rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền cho điều chỉnh danh mục các dự án trong nội bộ địa phương hoặc sang các địa phương khác. Nếu không thể thực hiện được, cần tổng hợp để điều chuyển kịp thời.

Liên quan đến hồ sơ thanh quyết toán, các địa phương cần sát sao hơn, đi kiểm tra tình hình thực tế, làm việc chặt chẽ với các nhà thầu, bảo đảm tiến độ thanh quyết toán cho nhà thầu.

Về công tác giải phóng mặt bằng, Phó Thủ tướng Chính phủ cho rằng, nhiều địa phương phản ánh vướng mắc trong lĩnh vực này. Trong tình hình hiện nay, quy định pháp luật đòi hỏi quản lý rất chặt chẽ, vai trò của các Bộ, ngành Trung ương là rất lớn trong việc hỗ trợ các địa phương đẩy nhanh tiến độ giải ngân.

Phó Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, rà soát, trình cấp có thẩm quyền xử lý các tồn tại, vướng mắc trong giải ngân đầu tư công.

(* *Ban biên tập Bản tin điện tử cải cách hành chính đặt*

Nguồn: baohinhphu.vn

BỘ NỘI VỤ: HƯỚNG DẪN TÍNH HƯỞNG CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ

Bộ Nội vụ vừa ban hành Công văn số 3538/BNV-TCBC về việc tính hưởng chế độ, chính sách tinh giản biên chế.

Theo đó, căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế (Nghị định số 108/2014/NĐ-CP), Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP (có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2021). Tuy nhiên, các nội dung này tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 và Nghị định số 143/2020/NĐ ngày 10/12/2020 của Chính phủ (trong đó đã cụ thể hóa một số nội dung hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC). Vì vậy, kể từ ngày 01/01/2022, các nội dung hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC được thực hiện như sau:

Về quản lý và sử dụng biên chế đã thực hiện tinh giản: Thực hiện quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ.

Về đối tượng tinh giản biên chế do sức khỏe không bảo đảm: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 143/2020/NĐ ngày 10/12/2020 của Chính phủ.

Về tiền lương tháng để tính chế độ tinh giản biên chế: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP. Riêng về cách tính tiền lương tháng để tính chế độ tinh giản biên chế được thực hiện như sau:

Đối với đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 6 Điều 2 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP: Tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh; phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề và mức chênh lệch bảo lưu lương được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 04/2019/TT-BNV ngày 25/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội.

Đối với đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Khoản 4, Khoản 5 Điều 2 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP: trước ngày 01/5/2013, hệ số mức lương được tính theo bảng lương của thành viên chuyên trách Hội đồng quản trị, bảng lương của Tổng Giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc kế toán trưởng ban hành kèm theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ quy định hệ số thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong công ty nhà nước.

Từ ngày 01/5/2013 trở đi, hệ số mức lương được tính theo quy định tại bảng hệ số mức lương của viên chức quản lý chuyên trách ban hành kèm theo Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương; thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Thời gian để tính chế độ tinh giản biên chế: Thực hiện theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 113/2018/NĐ-CP.

Về chính sách nghỉ hưu trước tuổi: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 143/2020/NĐ-CP và Văn bản số 4126/BNV-TCBC ngày 24/8/2021 của Bộ Nội vụ về việc xác định tuổi hưởng chính sách về hưu trước tuổi quy định tại Nghị định số 143/2020/NĐ-CP.

Về chính sách chuyển sang làm việc tại các tổ chức không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.

Về chính sách thôi việc ngay: Thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 143/2020/NĐ-CP.

Về chính sách thôi việc sau khi học nghề: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.

Về chính sách đối với người thôi giữ chức vụ lãnh đạo hoặc được bổ nhiệm, bầu cử vào chức vụ khác có phụ cấp chức vụ lãnh đạo mới thấp hơn do sắp xếp tổ chức: Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.

Về nguồn kinh phí, chấp hành kinh phí và quyết toán: Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 31/2019/TT-BTC ngày 05/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 117/2021/TT-BTC ngày 21/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

Bộ Nội vụ đề nghị các Bộ, ngành, địa phương căn cứ văn bản nêu trên để tính hưởng chế độ, chính sách tinh giản biên chế từ ngày 01/01/2022 đối với các đối tượng tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP).

Nguồn: moha.gov.vn

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CẤP ỦY TRỰC THUỘC CHỊU TRÁCH NHIỆM TRỰC TIẾP VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG ĐƠN VỊ

Đây là nội dung được nhấn mạnh trong nhiệm vụ về chuyển đổi nâng cao nhận thức được đặt ra trong Nghị quyết số 21-NQ/BCSD ngày 28/7/2022 của Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ về Chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030...

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mở ra nhiều cơ hội, đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức, đã và đang tác động ngày càng mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực của đời sống, xã hội đất nước ta, trong đó có Bộ Nội vụ, ngành Nội vụ. Thời gian qua, Ban Cán sự đảng Bộ, lãnh đạo Bộ đã quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính phủ điện tử, cải cách hành chính, tăng cường công tác nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo. Qua đó công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và thực thi công vụ, thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động trong Bộ Nội vụ bước đầu đạt được nhiều kết quả tích cực; môi trường pháp lý trong ứng dụng công nghệ thông tin dần được hoàn thiện, tạo hành lang pháp lý đồng bộ để đẩy mạnh việc xây dựng Chính phủ điện tử của Bộ. Trung tâm tích hợp dữ liệu của Bộ được đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành; hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Bộ Nội vụ đưa vào khai thác và liên thông với hệ thống quản lý văn bản của Chính phủ; giải pháp chữ ký số được triển khai đã mang lại hiệu quả rõ rệt; triển khai hệ thống giao ban trực tuyến và hội nghị truyền hình là một trong những giải pháp hữu hiệu từng bước xây dựng Chính phủ điện tử và nền hành chính hiện đại; hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Nội vụ được kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia; Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ bảo đảm cung cấp thông tin đầy đủ, thường xuyên theo quy định của Nhà nước; các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ được triển khai và có hiệu quả nhất định như: cơ sở dữ liệu hội và tổ chức phi chính phủ, cơ sở dữ liệu Thi đua - Khen thưởng, cơ sở dữ liệu thanh niên, cơ sở dữ liệu khoa học công nghệ, phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, hệ thống thông tin điều tra cơ sở hành chính của Bộ Nội vụ...

Tuy nhiên, trong bối cảnh Chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ số, việc ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính phủ điện tử tại Bộ Nội vụ còn chưa theo kịp với yêu cầu: nhận thức của cấp ủy và từng đảng viên, công chức, viên chức Bộ Nội vụ trong việc ứng dụng công nghệ thông tin chưa bắt kịp với quá trình Chuyển đổi số; chưa bổ sung, cập nhật, rà soát các văn bản hướng dẫn về chia sẻ dữ liệu, xác thực điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo đảm quyền riêng tư của cá nhân, về an ninh mạng, an toàn thông tin; quy trình thủ tục hành chính gắn với Chuyển đổi số còn chưa được chỉnh sửa kịp thời; việc triển khai các nền tảng ứng dụng, các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành Nội vụ, đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin làm nền tảng phục vụ phát triển Chính phủ số còn chậm so với yêu cầu đặt ra; các hệ thống thông tin dữ liệu chưa được kết nối, chia sẻ phục vụ đồng đảo người dùng, chất

lượng dữ liệu và thông tin chưa được cập nhật kịp thời; nhiều hệ thống thông tin đã triển khai chưa đảm bảo về an toàn, an ninh thông tin; tỷ lệ phát sinh dịch vụ công mức độ 3, 4 của Bộ Nội vụ ở mức thấp. Do đó, việc Chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ số của Bộ Nội vụ còn hạn chế, có nội dung còn mang tính hình thức.

Xuất phát từ tầm quan trọng, sự cần thiết, ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Nội vụ về Chuyển đổi số của Bộ Nội vụ, Ban Cán sự đảng Bộ chỉ đạo, việc thực hiện chuyển đổi số của Bộ Nội vụ cần bám sát nghị quyết của Trung ương, nghị quyết của Chính phủ, các quyết định của Thủ tướng Chính phủ, các quyết định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về Chuyển đổi số. Vì vậy, để thực hiện được mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ yêu cầu các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ phối hợp chặt chẽ với cấp ủy Đảng cùng cấp để thực hiện tốt 7 nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất, chuyển đổi nâng cao nhận thức. Chỉ đạo, định hướng ác nhiệm vụ, giải pháp, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và từng đảng viên để thay đổi nhận thức, tạo điều kiện cho Chuyển đổi số.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, học tập, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, từng đảng viên và toàn bộ công chức, viên chức, người lao động tại Bộ Nội vụ về sự cần thiết của Chuyển đổi số, tăng cường tuyên truyền, phổ biến các sáng kiến, giải pháp và các gương sáng điển hình trong Chuyển đổi số của Bộ Nội vụ.

Người đứng đầu cấp ủy trực thuộc chịu trách nhiệm trực tiếp về Chuyển đổi số trong đơn vị, tiên phong đi đầu trong việc chuyển đổi số để nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của đơn vị mình, lấy việc triển khai thực hiện Nghị quyết là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu cấp ủy, đơn vị.

Thứ hai, hoàn thiện môi trường pháp lý. Tổ chức triển khai hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, chương trình Chuyển đổi số quốc gia và chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 phù hợp với điều kiện thực tế của Bộ Nội vụ.

Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản hành chính để tạo thuận lợi cho quá trình Chuyển đổi số của Bộ Nội vụ nói chung và trong công tác Đảng nói riêng.

Thứ ba, phát triển hạ tầng số, nền tảng số. Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin hoặc thuê dịch vụ hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị phục vụ công tác Chuyển đổi số, sử dụng giải pháp công nghệ ảo hóa, điện toán đám mây, dữ liệu lớn (BigData)... để đáp ứng yêu cầu triển khai, vận hành các hệ thống thông tin, nền tảng ứng dụng, các cơ sở dữ liệu.

Xây dựng, triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, kết nối liên thông giữa các hệ thống thông tin trong Bộ Nội vụ và giữa Bộ Nội vụ với các hệ thống thông tin quốc gia. Xây dựng, phát triển và tiếp nhận các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung trong Bộ Nội vụ.

Thứ tư, phát triển dữ liệu số. Tổ chức thu thập, số hóa hồ sơ, tài liệu, tạo lập kho dữ liệu tập trung, gắn dữ liệu sau khi số hóa với các quy trình điện tử và các ứng dụng số; chuẩn hóa cấu trúc và chuyển đổi các dữ liệu thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ thành dữ liệu

điện tử để hình thành các cơ sở dữ liệu phục vụ triển khai các ứng dụng nền tảng, hực vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của lãnh đạo Bộ.

Xây dựng, triển khai các cơ sở dữ liệu dùng chung, danh mục điện tử dùng chung phục vụ tích hợp, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu giữa các ứng dụng trong Bộ. Xây dựng Cổng công bố dữ liệu mở của Bộ Nội vụ nhằm cung cấp thông tin về chia sẻ dữ liệu Bộ Nội vụ và kết nối với Cổng dữ liệu quốc gia.

Triển khai kết nối, liên thông các cơ sở dữ liệu của Bộ Nội vụ thông qua nền tảng chia sẻ, tích hợp của Bộ và của quốc gia. Thiết kế kiến trúc dữ liệu tổng thể của Bộ Nội vụ đảm bảo nguyên tắc mỗi loại dữ liệu chỉ do một đầu mối cung cấp. Thiết lập trung tâm dữ liệu điện tử dùng chung có thể chia sẻ, kết nối để tối ưu hóa việc khai thác và đảm bảo tính bảo mật đối với từng loại thông tin.

Thứ năm, bảo đảm an toàn, an ninh mạng là then chốt để Chuyển đổi số thành công và bền vững, đồng thời là phần xuyên suốt, không thể tách rời trong quá trình Chuyển đổi số. Tăng cường xây dựng đội ngũ chuyên gia an toàn, an ninh mạng để kịp thời theo dõi, phòng ngừa, ngăn chặn, phối hợp xử lý, khắc phục các sự cố về an toàn, an ninh mạng và tội phạm sử dụng công nghệ cao.

Quan tâm đầu tư trang thiết bị, phương tiện khoa học kỹ thuật để chủ động phòng ngừa, ứng phó với các nguy cơ, tác động tiêu cực của quá trình Chuyển đổi số; bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong Chuyển đổi số, góp phần thúc đẩy hoạt động trên môi trường số. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền tới đảng viên, công chức, viên chức Bộ Nội vụ nâng cao nhận thức tự bảo vệ trên môi trường số.

Thứ sáu, phát triển nguồn nhân lực. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin hiện có, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu để trở thành các chuyên gia nòng cốt tham mưu cho cấp ủy, các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ về Chuyển đổi số. Liên kết với các trung tâm nghiên cứu, doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực công nghệ thông tin, tổ chức đào tạo các kỹ năng về phân tích dữ liệu, làm chủ công nghệ dữ liệu lớn, dữ liệu mở... cho đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin của Bộ.

Đổi mới, sáng tạo trong công tác bồi dưỡng kiến thức số, đưa nội dung đào tạo nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho cán bộ, đảng viên vào các khóa nghiệp vụ công tác đảng. Nghiên cứu, ban hành chính sách thu hút cán bộ kỹ thuật giỏi, lành nghề, chuyên sâu về công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu Chuyển đổi số.

Chủ động liên kết với các đơn vị chuyên môn về công nghệ để đào tạo, chuyển giao công nghệ tạo nguồn nhân lực phục vụ cho quá trình Chuyển đổi số theo hình thức hợp đồng thuê chuyên gia, thuê nhân lực công nghệ thông tin.

Thứ bảy, hợp tác quốc tế, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số. Hợp tác với các đơn vị trong nước và nước ngoài tăng cường tổ chức các hội nghị, hội thảo về Chuyển đổi số nhằm nâng cao nhận thức của từng công chức, viên chức Bộ Nội vụ.

Hợp tác với các tổ chức nghiên cứu trong nước, nước ngoài để tham khảo và rút ra bài học kinh nghiệm; huy động nguồn viện trợ của các tổ chức quốc tế để xây dựng các chương trình, dự án về công nghệ thông tin, Chuyển đổi số...

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

BỘ TÀI CHÍNH: BAN HÀNH KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐẾN NĂM 2025

Bộ Tài chính vừa ban hành Quyết định 1484/QĐ-BTC ban hành Kế hoạch chuyển đổi số của Bộ Tài chính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Kế hoạch chuyển đổi số của Bộ Tài chính nêu rõ mục tiêu tổng quát là chuyển đổi số gắn với xây dựng nền tài chính quốc gia phát triển bền vững, hiện đại và hội nhập, góp phần thúc đẩy tăng trưởng, tăng cường khả năng chống chịu của nền kinh tế, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và an ninh tài chính quốc gia. Thực hiện chính sách động viên hợp lý, cải thiện địa tài khóa, tạo điều kiện thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính, giải quyết hài hòa các vấn đề phát triển kinh tế, xã hội và môi trường với các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030.

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính chủ động áp dụng các thành quả công nghệ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, kế thừa kết quả triển khai Chính phủ điện tử để từng bước thực hiện chuyển đổi số ngành Tài chính, cung cấp các dịch vụ tài chính số, tham gia tích cực vào sự phát triển Chính phủ số, Kinh tế số, Xã hội số. Năm 2022 cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu phát triển Tài chính điện tử và phấn đấu đến năm 2025 cơ bản thiết lập nền tảng Tài chính số hiện đại, công khai, minh bạch dựa trên dữ liệu lớn, dữ liệu tài chính mở. Đến năm 2030 hình thành hệ sinh thái Tài chính số phong phú, hiện đại trên mọi lĩnh vực, đảm bảo tính hiệu quả và an toàn thông tin.

Ngành Tài chính đóng vai trò kiến tạo, kết nối, chia sẻ dữ liệu và các nền tảng số hóa, đáp ứng toàn diện nhu cầu giao dịch tài chính công, nhu cầu khai thác sử dụng thông tin số của Chính phủ, người dân, doanh nghiệp và các tổ chức. Công chức, viên chức được đào tạo, cập nhật kỹ năng số nhằm tiếp cận kiến thức, kỹ năng số để cùng tham gia vào quá trình chuyển đổi số.

Cung cấp các dịch vụ tài chính số chất lượng

Kế hoạch chuyển đổi số của Bộ Tài chính cũng đặt ra các mục tiêu cụ thể đến năm 2025, trong đó sẽ cắt giảm, tái cấu trúc, đơn giản hóa, chuẩn hóa, thống nhất các thủ tục hành chính; cung cấp dịch vụ mới trên nguyên tắc đảm bảo chất lượng dịch vụ, giảm chi phí, tăng năng suất lao động xã hội một cách chủ động, kịp thời đáp ứng nhu cầu của xã hội. Người dân, doanh nghiệp có thể sử dụng dịch vụ số theo nhu cầu cá thể hóa, theo suốt cuộc đời, khi cần, theo cách thuận tiện, trực tuyến hoặc trực tiếp, dễ dàng, đơn giản, nhanh chóng, không giấy tờ, không cần sự hiện diện nếu pháp luật không yêu cầu.

100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Bên cạnh đó, 100% dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn tối đa thông tin, dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận hoặc được thu thập, chia sẻ phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng. 100% giao dịch trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của Bộ Tài chính được xác thực điện tử, ngoại trừ các dịch vụ yêu cầu sự hiện diện bắt buộc theo quy định của pháp luật.

Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử Bộ Tài chính được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng dịch vụ công quốc gia. Tích hợp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 phổ biến, liên quan tới nhiều người dân, doanh nghiệp được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến; các hệ thống thông tin của Bộ Tài chính có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các Cơ sở dữ liệu quốc gia không phải cung cấp lại.

Tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài chính. 100% Bộ phận 1 cửa được ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết thủ tục hành chính. 100% doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn áp dụng quy định về hoá đơn điện tử.

Bộ Tài chính cũng đẩy mạnh triển khai Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN đúng kế hoạch, lộ trình triển khai theo chỉ đạo của Chính phủ và Ủy ban chỉ đạo quốc gia về Cơ chế một cửa ASEAN, Cơ chế một cửa quốc gia và tạo thuận lợi thương mại. Hình thành hệ thống thông tin ngân sách và kế toán Nhà nước số với mục tiêu liên thông, kết nối, chia sẻ với các hệ thống khác trong và ngoài ngành Tài chính theo thời gian thực, đổi mới về công nghệ, phục vụ nhu cầu khai thác của các đơn vị trong và ngoài ngành tài chính. Hình thành hệ thống giám sát thị trường chứng khoán Việt Nam nhằm mục tiêu thu thập, quản lý các thông tin liên quan đến đối tượng thuộc diện quản lý của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước như các công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán...

Vận hành tối ưu các hoạt động

Bộ Tài chính hướng tới mục tiêu cung cấp dịch vụ 24/7, sẵn sàng phục vụ trực tuyến bất cứ khi nào người dân, doanh nghiệp cần. 100% cán bộ, công chức, viên chức ngành Tài chính được gắn định danh số trong xử lý công việc theo lộ trình chung của Chính phủ về định danh, xác thực điện tử.

100% văn bản trao đổi giữa các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính và giữa Bộ Tài chính với các cơ quan nhà nước khác được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật. 90% hồ sơ công việc tại Bộ Tài chính được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

100% công tác báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của Bộ Tài chính được cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia theo lộ trình chung của Chính phủ, phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành. 100% hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức được lưu trữ, quản lý dưới dạng hồ sơ điện tử.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành được đưa vào khai thác vận hành hiệu quả. Một số lĩnh vực cơ bản như ngân sách, thuế, hải quan, kho bạc, chứng khoán, giá... ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phân tích thông minh để tối ưu hóa hoạt động. 50% hoạt động kiểm tra của Bộ Tài chính được thực hiện qua môi trường số và hệ thống thông tin của Bộ Tài chính. 100% các đơn vị trong ngành Tài chính triển khai bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp. 100% hệ thống có triển khai giám sát, an toàn, an ninh mạng...

Huy động sự tham gia của xã hội

Người dân, doanh nghiệp và các tổ chức khác có thể dễ dàng tham gia ý kiến đóng góp cho hoạt động của Bộ Tài chính, phản ánh những vấn đề của xã hội xung quanh mình tới cơ quan nhà nước và nhận được ý kiến phản hồi về sự tham gia, kết quả tham gia của mình. Doanh nghiệp có thể tham gia cung cấp dịch vụ công hoặc phát triển những dịch vụ mới, sáng tạo, giúp xã hội có thể dễ dàng tiếp cận và sử dụng dịch vụ công của Bộ Tài chính. Bộ Tài chính, người dân, doanh nghiệp và các tổ chức khác cùng tham gia phổ cập việc sử dụng dịch vụ công nói riêng, chuyển đổi số nói chung.

Định hướng đến năm 2030, Bộ Tài chính chuyển đổi cách thức phục vụ người dân, doanh nghiệp phù hợp với lộ trình chuyển đổi số của Chính phủ, giảm chi phí, tăng năng suất của doanh nghiệp, tạo thuận lợi, mang lại sự hài lòng của người dân, giúp người dân, doanh nghiệp tham gia nhiều hơn vào hoạt động của Bộ Tài chính để cùng tạo ra giá trị, lợi ích, sự hài lòng, niềm tin và đồng thuận xã hội.

Nguồn: baochinhphu.vn

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 17/NQ-CP NGÀY 07/3/2019 CỦA CHÍNH PHỦ

Ngày 29/7/2022, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Báo cáo số 105/BC-BTTTT về tình hình thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ "về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025" cho biết, số lượng văn bản điện tử gửi, nhận trên trực liên thông văn bản quốc gia trong tháng 7/2022 là 620.830 văn bản (Gửi: 135.164 văn bản, nhận 485.666 văn bản). Số lượng văn bản điện tử gửi, nhận trong 7 tháng đầu năm 2022 là 3,56 triệu văn bản (Gửi: 760.000 văn bản, nhận 2,8 triệu văn bản).

Về công tác chỉ đạo, điều hành: Chính phủ yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương khẩn trương tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia năm 2022

theo danh mục được phê duyệt tại Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ; giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương khẩn trương triển khai hệ thống xác thực định danh điện tử, kết nối, tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia, đẩy nhanh tiến độ kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh. Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ xây dựng giải pháp sử dụng tài khoản định danh xác thực điện tử để phục vụ việc số hóa hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, bảo đảm thiết thực, hiệu quả; hướng dẫn và thực hiện việc chuyển đổi số, xác thực tài khoản của Cổng dịch vụ công quốc gia, các Bộ, ngành, địa phương với tài khoản do hệ thống của Bộ Công an cung cấp; giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan: Tư pháp, Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Văn phòng Chính phủ khẩn trương xây dựng phần mềm dịch vụ công liên thông về Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi và Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng phí, triển khai thí điểm, đánh giá hiệu quả trước khi nhân rộng trên toàn quốc; giao Bộ Tư pháp khẩn trương rà soát, đối chiếu, điều chỉnh thông tin và đồng bộ dữ liệu giữa hai hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tập trung hoàn thiện các hệ thống thông tin, thực hiện kết nối, đồng bộ dữ liệu về an sinh xã hội (trẻ em, bảo trợ xã hội, việc làm, giảm nghèo) với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Về xây dựng, hoàn thiện thể chế: Sau khi Chính phủ thông qua hồ sơ xây dựng Nghị định bảo vệ dữ liệu cá nhân tại Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 07/3/2022, Bộ Công an đang phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Ban Cán sự Đảng Chính phủ và các cơ quan, đơn vị liên quan hoàn thiện báo cáo Ban Cán sự Đảng Chính phủ về dự thảo Nghị định. Căn cứ ý kiến của Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Bộ Công an sẽ phối hợp với Văn phòng Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Văn phòng Trung ương Đảng để sớm trình Bộ Chính trị cho ý kiến. Ngày 06/7/2022, Bộ Công an đã có Tờ trình số 349/TTr-BCA trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử. Hiện nay, Văn phòng Chính phủ đang nghiên cứu, thẩm tra dự thảo Nghị định.

Về xây dựng nền tảng phát triển Chính phủ điện tử: Tính đến ngày 22/7/2022, tổng số giao dịch thực hiện thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (National Data Exchange Platform - NDXP) trong tháng 7/2022 là 10.385.415; tổng số giao dịch thực hiện thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia từ khi khai trương đến nay là 553.969.478; tính từ đầu năm 2022, trung bình hằng ngày có khoảng 1,7 triệu giao dịch thực hiện thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia;

Về việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư: Bộ Công an đã vận hành chính thức Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư từ ngày 01/7/2021. Ngày 06/01/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 06/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Bộ Công an tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Văn phòng chính phủ làm việc với các bộ, ngành, địa phương để đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Đề án; từ đầu năm 2022 đến nay, Bộ Công an đã tiếp và làm việc, trao đổi

kinh nghiệm về xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với 07 đoàn công tác trong và ngoài nước; tổ chức Hội nghị tập huấn cho 12 địa phương về Đề án 06 nhằm khẩn trương hoàn thành các nhiệm vụ đã đề ra.

Đối với cơ sở dữ liệu về Bảo hiểm: Để đảm bảo tiến độ triển khai Đề án 06, Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã phối hợp với Bộ Công an thực hiện xác thực thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư qua số chứng minh nhân dân để đối chiếu, đồng bộ (lấy) số căn cước công dân từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư sang cơ sở dữ liệu của Bảo hiểm xã hội. Tính đến ngày 18/7/2022, hoàn thành xác thực đúng thông tin công dân của trên 47 triệu người tham gia; về việc triển khai thí điểm khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế bằng căn cước công dân gắn chip. Tính đến ngày 18/7/2022, toàn quốc đã có 6.808 cơ sở khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế thực hiện tra cứu thông tin thẻ Bảo hiểm y tế bằng căn cước công dân gắn chip; Bảo hiểm xã hội đã có các văn bản gửi bộ, ngành, địa phương đề nghị phối hợp kê khai mã số Bảo hiểm xã hội, số định danh cá nhân/căn cước công dân khi nộp hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Bảo hiểm Xã hội Việt Nam tiếp tục kết nối, trao đổi, chia sẻ dữ liệu giữa Bảo hiểm xã hội với Cục Tin học hóa (Bộ Thông tin và Truyền thông), Bộ Tư pháp, Tổng cục Thuế, Cục Việc làm (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội), Bộ Y tế; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; phối hợp với Văn phòng Chính phủ kết nối và chia sẻ dữ liệu chứng thực từ bản sao điện tử và các dữ liệu dịch vụ công liên quan đến cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm theo quy định hiện hành, đồng thời triển khai thí điểm chứng thực thông tin trên sổ Bảo hiểm xã hội phù hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm; tiếp tục phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các Bộ liên quan hoàn thiện quy trình để tích hợp cung cấp các dịch vụ công; Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã cung cấp 100% Dịch vụ công mức độ 4 lên cổng dịch vụ công của Ngành và tích hợp, cung cấp 25 dịch vụ công trực tuyến của Ngành trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Đối với cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc: Tính đến ngày 18/7/2022, Hệ thống đã có 28.804.360 dữ liệu đăng ký khai sinh, trong đó có 7.475.167 trẻ em được cấp Số định danh cá nhân theo quy định; 3.740.350 hồ sơ khai sinh có số định danh cá nhân được chuyển sang hệ thống của Bảo hiểm xã hội; 6.374.960 dữ liệu đăng ký kết hôn; 4.249.592 dữ liệu đăng ký khai tử và 7.427.233 dữ liệu khác.

Trực liên thông văn bản quốc gia: Số lượng văn bản điện tử gửi, nhận trong tháng 7 năm 2022 là 620.830 văn bản (Gửi: 135.164 văn bản, nhận 485.666 văn bản). Số lượng văn bản điện tử gửi, nhận trong 7 tháng đầu năm 2022 là 3,56 triệu văn bản (Gửi: 760.000 văn bản, nhận 2,8 triệu văn bản). Từ khi khai trương (12/3/2019) đến nay Hệ thống có tổng số hơn 13,1 triệu văn bản điện tử được gửi và nhận giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên Trực liên thông văn bản quốc gia.

Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ (e-Cabinet): Trong tháng đã phục vụ 01 phiên họp Chính phủ và xử lý 28 Phiếu lấy kiến thành viên Chính phủ (thay thế gần 12 nghìn hồ sơ, tài liệu giấy). Tính đến nay, Hệ thống đã phục vụ 55 hội nghị, phiên họp của Chính phủ và thực hiện xử lý 1.223 phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ (thay thế gần 434 nghìn hồ sơ, tài liệu giấy).

Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Hệ thống đã kết nối, liên thông các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có chức năng báo cáo của 74 Bộ, cơ quan, địa phương; đã cung cấp thông tin, dữ liệu của 15/151 chế độ báo cáo trên Hệ thống; 152/200 chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo Quyết định số 293/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và 04/12 chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2021 Quốc hội giao Chính phủ được cung cấp trên Hệ thống; kết nối 37 chỉ tiêu thông tin dữ liệu trực tuyến; Xây dựng kho dữ liệu tổng hợp với trên 300 chỉ tiêu kinh tế - xã hội; 250 bảng hiển thị dữ liệu cho các chỉ tiêu. Tiếp tục phối hợp với các chuyên gia và các bộ, ngành xây dựng và hiển thị 16 nhóm chỉ tiêu phục vụ chỉ đạo điều hành hằng ngày, hằng tháng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; tiếp tục triển khai kết nối, tích hợp các thông tin dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin của các bộ, cơ quan, địa phương với Trung tâm.

Đối với các hệ thống thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp: Tính đến ngày 27/7/2022, tỷ lệ Dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện đưa lên mức độ 4 là 97,3% (chiếm 54,33% tổng số thủ tục hành chính).

Từ ngày 20/06/2022 đến ngày 20/7/2022, Cổng dịch vụ công quốc gia đã có trên 293 nghìn tài khoản đăng ký; trên 4 triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái; trên 479 nghìn lượt thực hiện các dịch vụ tiện ích; trên 324 nghìn hồ sơ trực tuyến thực hiện từ Cổng; trên 126 nghìn giao dịch thanh toán trực tuyến với số tiền hơn 307 tỷ đồng. Từ khi khai trương đến nay đã cung cấp 3.684 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; đã có hơn 2,3 triệu tài khoản đăng ký; hơn 124,8 triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái; hơn 6,1 triệu lượt thực hiện các dịch vụ tiện ích; hơn 4,2 triệu hồ sơ trực tuyến thực hiện từ Cổng; hơn 1,1 triệu giao dịch thanh toán trực tuyến với số tiền hơn 2,3 nghìn tỷ đồng; hơn 174 nghìn cuộc gọi tới tổng đài tư vấn hỗ trợ.

Về việc xây dựng Chính phủ điện tử gắn kết chặt chẽ với bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, an ninh quốc gia, bảo vệ thông tin cá nhân: Trong tháng 7/2022, Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông đã ghi nhận, cảnh báo và hướng dẫn xử lý 983 cuộc tấn công mạng gây ra sự cố vào các hệ thống thông tin tại Việt Nam, giảm 16,6% so với tháng 6/2022, tăng 20,0% so với cùng kỳ tháng 7/2021.

Manh Tuyên, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

NGÀNH THUẾ: CẮT GIẢM 10% BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH

Đó là một trong những nội dung quan trọng của Đề án Tinh giản biên chế giai đoạn 2022 - 2026 vừa được Tổng cục Thuế phê duyệt...

Đề cập đến việc triển khai tinh giản biên chế ngành thuế, Tổng cục Thuế cho rằng, vẫn còn tình trạng vừa thừa lại vừa thiếu biên chế tại một số cơ quan, đơn vị. Việc thu hút thêm người đáp ứng đủ điều kiện làm việc trong cơ quan nhà nước đang gặp trở ngại do chế độ tiền

lương không đáp ứng được yêu cầu, bộ máy còn chồng chéo, việc tăng lương cho cán bộ gặp nhiều khó khăn.

Cùng với đó, chỉ tiêu giảm đồng đều 10% biên chế cho tất cả các cơ quan đơn vị là chưa phù hợp, trong khi chức năng nhiệm vụ, khối lượng công việc ở nhiều đơn vị tăng lên.

Để khắc phục được những hạn chế trên, đồng thời nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ công chức hiện nay, Tổng cục Thuế phê duyệt Đề án Tinh giản biên chế giai đoạn 2022 - 2026. Theo đó, mục tiêu cơ bản của giai đoạn này là không tăng biên chế cán bộ, công chức và thực hiện giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước so với năm 2021.

Liên quan đến kết quả triển khai thực hiện tinh giản biên chế từ năm 2015 đến nay, Tổng cục Thuế cho biết tổng số biên chế ngành thuế tính đến hết tháng 3/2022 giảm 16,8% so với biên chế được giao năm 2015.

Riêng giai đoạn 2016 - 2021, tổng số biên chế giảm của Tổng cục Thuế là 9.696 người, tương đương 22,72% số biên chế được giao năm 2016, bao gồm cả những người nghỉ hưu, thôi việc và số tinh gian biên chế.

Để thực hiện được mục tiêu trong Đề án Tinh giản biên chế giai đoạn 2022 - 2026, lãnh đạo Tổng cục Thuế yêu cầu cả hệ thống thuế từ Trung ương đến địa phương cần thống nhất nhận thức và hành động, quyết tâm thực hiện tinh giản biên chế nhưng không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các cơ quan đơn vị, bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

Đồng thời, tiến hành đồng bộ các hoạt động cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức; nâng cao chất lượng cán bộ công chức, viên chức.

Trên cơ sở danh mục vị trí việc làm, cơ cấu công chức, viên chức hợp lý để xác định biên chế phù hợp.

"Việc tinh giản biên chế cần đi đôi với tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, chấn chỉnh lề lối làm việc, thái độ tác phong ứng xử của công chức thuế với người nộp thuế và đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ cho người nộp thuế", Tổng cục Thuế lưu ý.

Đặc biệt, việc thực hiện tinh giản biên chế cần có trọng tâm, trọng điểm, không cào bằng và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị. Quá trình thực hiện tinh giản biên chế phải đảm bảo sự lãnh đạo chỉ đạo chặt chẽ của cấp ủy Đảng, chính quyền, có sự giám sát của các tổ chức đoàn thể dựa trên nguyên tắc khách quan, dân chủ, công khai, minh bạch và phải đảm bảo chi trả chế độ chính sách tinh giản biên chế kịp thời, đúng quy định.

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện tinh giản biên chế trong cơ quan, đơn vị được giao quản lý theo thẩm quyền.

Bên cạnh đó, các đơn vị chức năng cần hoàn thiện hệ thống, tiêu chuẩn chức danh, chức vụ công chức, viên chức theo hướng chú trọng phẩm chất, trình độ, năng lực. Mỗi tiêu chuẩn của chức vụ lãnh đạo, quản lý đều phải quy định ngạch công chức hoặc chức danh nghề nghiệp ngạch viên chức tương ứng.

Song song là cải tiến phương thức, quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ theo hướng đề cao trách nhiệm của cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, xem xét, quyết định trên cơ sở tiêu chuẩn, điều kiện và kết quả công việc.

Ngoài ra, Ngành thuế sẽ tiếp tục thực hiện cơ chế khoán kinh phí quản lý gắn với chế độ tiền lương để khuyến khích những người làm việc tốt hiệu quả.

Nguồn: vneconomy.vn

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

*** Bộ Nội vụ đang lấy ý kiến của Nhân dân đối với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.**

Bộ Nội vụ cho biết, sau 12 năm thực hiện Nghị định số 45/2010/NĐ-CP đến nay, nhiều nội dung của Nghị định không còn phù hợp, chưa bao quát, điều chỉnh hết các vấn đề trong thực tiễn quản lý đặt ra.

Thực tiễn công tác quản lý nhà nước về hội trong thời gian vừa qua đặt ra nhiều vấn đề như: thiếu chế tài xử lý vi phạm, chưa rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước, công tác kiểm tra, quy trình, thủ tục thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất... chưa đảm bảo tính chặt chẽ; thiếu quy định việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội khi địa phương thay đổi địa giới hành chính các cấp.

Do đó, việc xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP là phù hợp trong giai đoạn hiện nay để giải quyết được các vấn đề đang vướng mắc trong thực tiễn quản lý hội; có đủ căn cứ pháp lý xử lý các sai phạm trong tổ chức, hoạt động của hội; đổi mới và nâng cao phương thức hoạt động của hội theo hướng tự chủ, tự quản; từng bước xóa bỏ xu hướng "hành chính hóa" hoạt động của hội; giảm bớt gánh nặng của ngân sách, chỉ hỗ trợ nguồn lực, kinh phí theo các nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước.

Dự thảo nêu rõ nguyên tắc tổ chức, hoạt động của hội là tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và điều lệ hội; tự nguyện, tự quản; dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch; tự bảo đảm kinh phí hoạt động; không vì mục tiêu lợi nhuận.

Bên cạnh đó, dự thảo cũng nêu rõ nghiêm cấm lợi dụng việc thành lập, tổ chức và hoạt động hội thực hiện các hành vi, mục đích sau: 1. Làm ảnh hưởng đến uy tín của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng; gây phương hại đến lợi ích quốc gia, an ninh, quốc phòng, khối đại đoàn kết dân tộc và gây mất an ninh chính trị, trật tự xã hội. 2. Xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, cộng đồng, tổ chức, cá nhân. 3. Xâm hại đạo đức xã hội, thuần phong, mỹ tục, truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc. 4. Rửa tiền, tài trợ khủng bố và các hoạt động trái đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. 5. Làm giả, tẩy xóa, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn, cầm cố, thế chấp giấy phép thành lập hội hoặc điều lệ hội. 6. Làm rối loạn thị trường trong nước.

*** Bộ Tư pháp đang dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành.**

Theo đó, thời gian qua, một số Bộ, cơ quan ngang Bộ đã thực hiện rà soát và phát hiện một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành không còn được áp dụng trên thực tế nhưng chưa có căn cứ pháp lý để xác định hết hiệu lực theo quy định tại các Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (năm 1996, năm 2008, năm 2015 và các Luật sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật). Về nguyên tắc, các văn bản này vẫn được xác định là "còn hiệu lực". Do đó, để bảo đảm tính công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật, đồng thời bảo đảm tuân thủ đúng quy định về hiệu lực của văn bản theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP), việc ban hành văn bản để bãi bỏ các văn bản nêu trên là cần thiết.

Thực hiện Nghị quyết số 23/NQ-CP ngày 08/4/2018 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3/2018, trong đó Chính phủ giao Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để chấm dứt hiệu lực các văn bản do Thủ tướng Chính phủ ban hành không còn được áp dụng trên thực tế nhưng chưa có văn bản xác định hết hiệu lực, trên cơ sở đề xuất của các bộ, cơ quan, Bộ Tư pháp đã tổng hợp 34 văn bản quy phạm pháp luật của Thủ tướng Chính phủ cần được bãi bỏ toàn bộ...

*** Bộ Thông tin và Truyền thông đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dữ liệu mở của cơ quan nhà nước ưu tiên triển khai.**

Bộ Thông tin và Truyền thông cho biết, dữ liệu mở là một trong những nội dung được nhiều quốc gia trên thế giới quan tâm trong nhiều năm vừa qua. Tại báo cáo "Chỉ số phát triển chính phủ điện tử" của Liên Hợp Quốc trong những năm gần đây, dữ liệu nói chung và dữ liệu mở nói riêng được đề cập tại nhiều báo cáo. Các thông tin và số liệu tại các báo cáo đã thể hiện rõ sự phát triển mạnh mẽ của dữ liệu chính phủ trên phạm vi toàn cầu và vai trò của dữ liệu như là một yếu tố đầu vào quan trọng, hữu ích để góp phần xây dựng các chính sách, quản trị tốt và hiệu quả hơn.

Có thể nói, dữ liệu mở, đặc biệt là dữ liệu mở của chính phủ, là một nguồn tài nguyên lớn chưa được khai thác một cách có hiệu quả. Đối với dữ liệu mở, các cơ quan nhà nước đóng một vai trò quan trọng ở góc độ số lượng, quy mô dữ liệu được thu thập cũng như khả năng cung cấp dữ liệu mở.

Nghị định số 47/2020/NĐ-CP đã quy định "Cổng dữ liệu quốc gia (data.gov.vn) là đầu mối cung cấp dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng nhằm tăng cường tính minh bạch trong hoạt động của Chính phủ và thúc đẩy sáng tạo, phát triển kinh tế, xã hội". Điều 21 của Nghị định cũng quy định "dữ liệu mở phải được công bố trên Cổng dữ liệu quốc gia".

Tính đến thời điểm hiện tại, Cổng dữ liệu quốc gia có hơn 10.605 tập dữ liệu. Trong đó, chủ đề có nhiều tập dữ liệu nhất lần lượt là xã hội với 9.989 tập dữ liệu, công nghệ (117).

Hiện nay, đã có một số Bộ, ngành, địa phương đã có chủ trương cũng như đã xây dựng công dữ liệu mở. Tuy nhiên, vấn đề về số lượng, tính đa dạng cũng như chất lượng của các tập dữ liệu vẫn còn nhiều vấn đề cần cải thiện.

Để việc cung cấp dữ liệu mở được triển khai có chất lượng, hiệu quả, cũng như đáp ứng được các mục tiêu mà các chiến lược, chương trình đã đặt ra, Bộ Thông tin và Truyền thông nhận thấy việc xây dựng danh mục dữ liệu mở của cơ quan nhà nước là việc làm cần thiết.

Theo dự thảo, danh mục dữ liệu mở được chia thành 14 nhóm chủ đề chính bao gồm: Giáo dục, Công nghệ thông tin và Truyền thông, Giao thông vận tải, Khoa học, Kinh tế, Lao động, Môi trường Tài nguyên, Nông nghiệp, Tài chính, Văn hóa Du lịch, Xã hội, Xây dựng, Y tế, sức khỏe và Chủ đề khác.

Số lượng các dữ liệu mở đề xuất là 137 loại dữ liệu, cụ thể như sau với từng chủ đề: Chủ đề Giáo dục: 15 dữ liệu. Chủ đề Công nghệ thông tin và Truyền thông: 10 dữ liệu. Chủ đề Giao thông vận tải: 16 dữ liệu. Chủ đề Khoa học: 04 dữ liệu. Chủ đề Kinh tế: 08 dữ liệu. Chủ đề Lao động: 05 dữ liệu. Chủ đề Môi trường Tài nguyên: 08 dữ liệu. Chủ đề Nông nghiệp: 21 dữ liệu. Chủ đề Tài chính: 10 dữ liệu. Chủ đề Văn hóa Du lịch: 19 dữ liệu. Chủ đề Xã hội: 06 dữ liệu. Chủ đề Xây dựng: 07 dữ liệu. Chủ đề Y tế, sức khỏe: 08 dữ liệu.

*** Bộ Giáo dục và Đào tạo đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức giáo vụ trong trường phổ thông dân tộc nội trú; trường trung học phổ thông chuyên; trường dự bị đại học và trường dành cho người khuyết tật công lập.**

Theo dự thảo, mã số chức danh nghề nghiệp viên chức giáo vụ là V.07.07.21.

Viên chức giáo vụ có nhiệm vụ lập kế hoạch, thực hiện công tác giáo vụ hàng năm của nhà trường; báo cáo định kỳ, thường xuyên theo quy định; quản lý, theo dõi hệ thống hồ sơ, sổ sách của nhà trường liên quan đến học sinh; phối hợp thực hiện công tác tuyển sinh và các nhiệm vụ được giao liên quan đến thi, kiểm tra, đánh giá học sinh; phối hợp với giáo viên quản lý, theo dõi học sinh hàng ngày; tổng hợp kết quả học tập và rèn luyện của học sinh; hoàn thành các chương trình bồi dưỡng; tự học, tự bồi dưỡng trau dồi đạo đức, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ; thực hiện các nhiệm vụ khác do hiệu trưởng phân công.

Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng: Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm (hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm giáo vụ) trở lên; có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giáo vụ.

Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục cấp học đang công tác; thực hiện có hiệu quả kế hoạch, chương trình giáo dục của nhà trường; có khả năng phối hợp và giao tiếp tốt với đồng nghiệp; tư vấn, hỗ trợ học sinh và cha mẹ học sinh trong thực thi nhiệm vụ; có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp.

Dự thảo Thông tư nêu rõ, bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức giáo vụ mã số V.07.07.21 đối với: a) Viên chức đang làm công tác giáo vụ trong các trường phổ thông dân

tộc nội trú; trường trung học phổ thông chuyên; trường dự bị đại học và trường dành cho người khuyết tật công lập, đủ tiêu chuẩn quy định mà chưa được bổ nhiệm; b) Viên chức giáo vụ mới được tuyển dụng sau khi hết thời gian tập sự theo quy định và được người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập đánh giá đạt yêu cầu.

Viên chức được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức giáo vụ mã số V.07.07.21 quy định tại Thông tư này được áp dụng bảng lương viên chức loại A0 tại bảng 3 (Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của nhà nước) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Việc xếp lương thực hiện như sau: Trường hợp có trình độ cao đẳng trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm giáo vụ thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức giáo vụ và được xếp lương theo viên chức loại A0 ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP.

Trường hợp đang xếp lương theo viên chức loại A1 trở lên hoặc theo viên chức loại B thì được xếp lại lương theo hướng dẫn tại Khoản 1 Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức.

Khi thực hiện chính sách tiền lương mới, việc chuyển xếp sang lương mới thực hiện theo quy định của Chính phủ.

*** Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang đề nghị xây dựng Luật Di sản văn hóa (sửa đổi).**

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho biết, mục đích xây dựng Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) nhằm hoàn thiện, tạo lập hành lang pháp lý đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, đảm bảo tính phù hợp, không chồng chéo với hệ thống pháp luật khác có liên quan. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác quản lý các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính gắn với kiểm tra, thanh tra, kiểm soát, giám sát việc thực thi pháp luật về di sản văn hóa để đảm bảo quản lý thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

Xây dựng chính sách về xã hội hóa để tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia vào các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn di sản văn hóa và phát triển, giữa quốc gia và quốc tế, giữa các vấn đề liên quan tới quyền văn hóa, quyền chủ thể, quyền con người, vì mục tiêu phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, giảm thiểu mâu thuẫn, xung đột.

Trong đề nghị xây dựng luật, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đánh giá tác động của 3 chính sách: 1. Hoàn thiện các quy định về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. 2. Hoàn thiện các quy định về thực hiện phân cấp quản lý nhà nước về di sản văn hóa phù hợp với thực tiễn. 3. Hoàn thiện các quy định về huy động nguồn lực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

HÀ NỘI: ĐẨY MẠNH ỦY QUYỀN TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Ngày 27/7, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội đã ban hành Công văn số 2416/UBND-KSTTHC về việc phân cấp, ủy quyền trong giải quyết thủ tục hành chính.

Theo đó, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội đề nghị các sở, ban, ngành, cơ quan rà soát các thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực mình, bao gồm thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, của sở, ban, ngành, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp thành phố, cấp huyện.

Ngoài danh mục thủ tục hành chính theo phương án phân cấp đang được Văn phòng Chính phủ rà soát trình Thủ tướng phê duyệt; các sở, ban, ngành rà soát, cập nhật, bóc tách, bổ sung các thủ tục hành chính thuộc ngành, lĩnh vực quản lý trong Đề án đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước, ủy quyền trên địa bàn thành phố và tiếp tục rà soát các thủ tục hành chính còn lại, đề xuất phương án phân cấp, ủy quyền cụ thể.

Trên cơ sở đó, tổng hợp, đề xuất phương án phân cấp, ủy quyền tổng thể về thủ tục hành chính theo một số phương án.

Đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội: Đề xuất ủy quyền cho giám đốc, thủ trưởng sở, ngành, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; đề xuất phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. Đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành thuộc thành phố: Đề xuất phân cấp/ủy quyền cho thủ trưởng các đơn vị trực thuộc; đề xuất phân cấp cho cấp huyện hoặc cấp xã. Đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện: Đề xuất ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, trưởng phòng/ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; đề xuất phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã

Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội đặt mục tiêu phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính đối với ít nhất 20% tổng số thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, trừ các thủ tục hành chính đang quy định cấp có thẩm quyền quyết định là Ủy ban nhân dân hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

* Miễn nhiệm, cho từ chức, thay thế cán bộ năng lực, uy tín thấp

Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội vừa ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 22/3/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán

bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện tự diễn biến, tự chuyển hoá.

Kế hoạch đặt ra 6 nhiệm vụ, giải pháp, trong đó có tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt Kết luận số 21-KL/TW; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác chính trị, tư tưởng, tự phê bình và phê bình; tập trung xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người đứng đầu gắn với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách; tăng cường công tác thanh tra, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức vi phạm...

Cụ thể, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội yêu cầu nghiên cứu, bổ sung hoàn thiện quy tắc ứng xử, quy định về đạo đức công vụ làm cơ sở cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, ý thức sâu sắc trách nhiệm của mình trước Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Kiên quyết chống biểu hiện bè phái, cục bộ, địa phương, “lợi ích nhóm”.

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nhất là người đứng đầu các cấp, các ngành nêu cao tinh thần phê bình và tự phê bình trong nội bộ, bảo đảm nghiêm túc, thẳng thắn, tự soi, tự sửa; gắn kiểm điểm tự phê bình cá nhân với kiểm điểm tập thể, làm rõ trách nhiệm của người đứng đầu và trách nhiệm cá nhân đối với khuyết điểm của tập thể; có biện pháp để phòng ngừa và tự giác khắc phục khuyết điểm, hạn chế; kiên quyết khắc phục tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm, chạy theo thành tích.

Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội cũng nêu tăng cường kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ một cách thực chất và hiệu quả; bảo đảm đúng quy định, quy trình, công tâm, khách quan, chặt chẽ, thận trọng trong từng khâu của công tác cán bộ... Kịp thời miễn nhiệm, cho từ chức, thay thế cán bộ năng lực hạn chế, uy tín thấp, mắc sai phạm mà không chờ hết nhiệm kỳ, hết thời hạn bổ nhiệm.

Một biện pháp nữa, thành phố yêu cầu đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo và lề lối làm việc của các cơ quan, đơn vị; phát huy dân chủ, nâng cao ý thức trách nhiệm, nêu gương, tinh thần phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức, người lao động vi phạm đạo đức công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính, vi phạm pháp luật.

Chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh, xử lý nghiêm sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những hành vi tham nhũng, tiêu cực vi phạm đạo đức công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội yêu cầu tập trung thanh tra cơ quan, tổ chức, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt ở những lĩnh vực, địa bàn, vị trí công tác dễ xảy ra tham nhũng, tiêu cực và có nhiều khiếu nại, khiếu kiện kéo dài; quan tâm giải quyết dứt điểm những vụ việc gây bức xúc trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân. Tăng cường thanh tra, kiểm tra người đứng đầu thực hiện trách nhiệm phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Cùng với đó, tăng cường kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức theo quy định. Triển khai quyết liệt, thường xuyên, toàn diện công tác thanh tra; chủ

động phát hiện sớm, xử lý nghiêm minh các vụ việc, vụ án tham nhũng, tiêu cực. Xử lý kiên quyết, kịp thời, đúng pháp luật những hành vi tham nhũng, gây thất thoát, lãng phí nhất là trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, tài sản công và những người bao che hành vi tham nhũng, ngăn cản việc chống tham nhũng, tiêu cực. Thực hiện nghiêm việc bảo vệ người tố cáo tham nhũng, tiêu cực.

Nguồn: hanoimoi.com.vn/tienphong.vn

NAM ĐỊNH: ĐẦU TƯ NGUỒN NHÂN LỰC CHO CHUYỂN ĐỔI SỐ

Tỉnh Nam Định sẽ đầu tư xây dựng hệ thống giáo dục đào tạo nguồn nhân lực từ bậc trung học phổ thông đến cao đẳng và hướng tới mục tiêu hình thành Trường Đại học đào tạo nguồn nhân lực về công nghệ thông tin, an toàn thông tin.

Đây là một trong những nội dung mà Nam Định ký kết với Tập đoàn FPT vào ngày 02/8 nhằm thúc đẩy chuyển đổi số gắn kết với cải cách hành chính; xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh tỉnh Nam Định.

Theo đó, tỉnh Nam Định thí điểm triển khai thực hiện chuyển đổi số, xây dựng, hoàn thiện chính quyền số với 1 đô thị trên địa bàn tỉnh từng bước hướng tới hoàn thiện mô hình đô thị thông minh, đảm bảo phù hợp với thực tiễn của tỉnh và nguồn lực hai bên.

Để hình thành thói quen số, văn hóa số trong cộng đồng dân cư, hai bên cũng sẽ hợp tác phát triển hệ sinh thái ứng dụng công nghệ số nhằm cung cấp các sản phẩm, dịch vụ số thiết yếu, thông minh, dễ sử dụng cho người dân, đặc biệt là các dịch vụ thiết yếu về giáo dục, y tế; đào tạo kỹ năng số trực tuyến cho người dân,

Tỉnh Nam Định đầu tư xây dựng hệ thống giáo dục đào tạo nguồn nhân lực từ bậc trung học phổ thông đến cao đẳng và hướng tới mục tiêu hình thành Trường Đại học đào tạo nguồn nhân lực về công nghệ thông tin, an toàn thông tin bậc đại học.

Theo Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định Trần Lê Đoàn, sự hợp tác với doanh nghiệp công nghệ thông tin sẽ góp phần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp toàn diện đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số của tỉnh hướng tới xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Nguồn: baotintuc.vn

HÀ NAM: ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO TRONG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Chiều ngày 02/8, Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam tiến hành thảo luận tại tổ về tình hình kinh tế - xã hội. Với tinh thần trách nhiệm, các đại biểu đã tham gia nhiều ý kiến tâm huyết, trách nhiệm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Trong đó, nhiều đại biểu quan tâm đến vấn đề quy hoạch và nâng cao chỉ số cải cách hành chính...

Xem quy hoạch là nhiệm vụ hàng đầu

Tại phiên thảo luận tổ, đa số đại biểu đều đánh giá cao những kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn còn một số tồn tại, hạn chế. Để hoàn thành những mục tiêu đề ra còn rất nhiều việc phải làm và cần bàn bạc kỹ lưỡng, đưa ra định hướng, giải pháp cụ thể.

Đề cập đến tầm quan trọng của công tác quy hoạch, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Lê Thị Thủy đề nghị, các đại biểu tập trung trí tuệ thảo luận sâu về một số nội dung liên quan đến Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo một số đại biểu, có quy hoạch đúng, trúng thì mới tạo được động lực tăng trưởng, khai thác hết tiềm năng cho phát triển. Bởi vậy, tỉnh phải coi quy hoạch là một trong những nhiệm vụ hàng đầu trong phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, tăng cường công tác quản lý, quy hoạch đối với các khu công nghiệp, khu công nghệ cao. Hoàn thiện thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các khu công nghiệp mới, tăng cường quản lý thu hút đầu tư. Đặc biệt, cần bảo đảm sự thống nhất giữa các cấp độ quy hoạch.

Đại biểu Nguyễn Đức Toàn đề nghị, có phương hướng phát triển các ngành quan trọng và tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội; quy hoạch hệ thống đô thị, khu dân cư nông thôn, khu chức năng; quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo phân loại đến từng đơn vị hành chính; quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện; phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh; phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu...

Xoay quanh các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội những tháng cuối năm, các đại biểu đề nghị cần nghiên cứu, đưa các chỉ tiêu phát triển nhà ở, đặc biệt là chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm theo Văn bản số 468/VPCP-VN ngày 19/01/2022 của Văn phòng Chính phủ. Bên cạnh đó, cần có giải pháp quản lý và nuôi dưỡng nguồn thu, tạo nguồn thu mới; rà soát toàn diện các khoản thu phát sinh, nhất là khoản thu tiền thuê đất; tăng cường và nâng cao hiệu quả cải cách thủ tục hành chính; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp về hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư trong khuôn khổ quy định của pháp luật.

Đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công

Có thể thấy, hiện rất nhiều lĩnh vực cần phải tái đầu tư sau chuỗi ngày dài bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19. Để làm được điều này, việc sử dụng nguồn vốn sao cho có trọng tâm, trọng điểm là yếu tố rất quan trọng. Nhiều đại biểu cho rằng, Ủy ban nhân dân tỉnh cần khẩn trương trình Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam phân bổ số vốn chưa giao chi tiết cho các công trình, dự án trong kế hoạch đầu tư công năm 2022. Đồng thời, tiếp tục rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các dự án để kịp thời đề nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh phân bổ vốn đầu tư trong trường hợp cần thiết, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư các dự án đầu tư công trên địa bàn.

Đại biểu Phạm Văn Tạo đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm bảo đảm nguồn vốn và danh mục các dự án đầu tư đã được cân đối trong kế hoạch đầu tư công năm 2022 và cả giai đoạn 2021 - 2025. Tập trung tháo gỡ vướng mắc, khó khăn để thực hiện giải ngân 100% vốn đầu tư công năm 2022 theo kế hoạch. Đặc biệt, chỉ đạo chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đẩy nhanh tiến độ các dự án đang triển khai thực hiện, bảo đảm các điều kiện để giải ngân vốn đầu tư đã được bố trí; thực hiện công tác thanh, quyết toán kịp thời theo quy định của pháp luật.

Liên quan đến việc nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, đại biểu Trương Công Khải đề xuất tỉnh Hà Nam cần có sự đổi mới trong cách làm, triển khai đến từng đơn vị. Trong đó, gắn trách nhiệm người đứng đầu trong thực thi nhiệm vụ. Đồng thời, cần xem xét lại mục tiêu về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh, Chỉ số cải cách hành chính để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tiễn. Ngoài ra, cần đẩy mạnh việc kiểm tra về thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tại các địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Kiên quyết xử lý nghiêm những trường hợp gây phiền hà, nhũng nhiễu người dân để hướng tới mục tiêu xây dựng chính quyền năng động, phục vụ.

Nguồn: daibieunhandan.vn

KHÁNH HÒA: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa vừa tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 31/3/2017 của Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Phát biểu chỉ đạo, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Hải Ninh nhấn mạnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương phải xem cải cách hành chính là một trong những đột phá để cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, góp phần thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Trung ương về tỉnh Khánh Hòa.

Chuyển biến toàn diện

Theo báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, 5 năm qua, các cấp ủy, tổ chức đảng đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đồng bộ, nghiêm túc Chương trình hành động số 12-CTr/TU. Các giải

pháp cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến được triển khai đều khắp. Tổ chức bộ máy chính quyền địa phương được kiện toàn, đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền quản lý nhà nước. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được tinh giản, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng; việc ứng dụng công nghệ thông tin được đẩy mạnh...

Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Hải Ninh nhấn mạnh, cần tập trung thực hiện tốt cải cách thể chế, nhất là trong quá trình triển khai thí điểm các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh theo Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội. Đồng thời, tiếp tục rà soát, nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo hướng phục vụ, không phân biệt địa giới hành chính, đa dạng đầu mối, phương thức tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả. Đặc biệt, tập trung thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 19/10/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, nhất là ở các lĩnh vực tác động tới đời sống người dân và sự phát triển của doanh nghiệp... Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ ban hành kết luận đề Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa tiếp tục lãnh đạo quyết liệt, hiệu quả hơn công tác cải cách hành chính từ nay đến năm 2030.

Toàn tỉnh có hơn 300 thủ tục hành chính được cắt giảm thời gian giải quyết, trong đó nhiều thủ tục giảm 1/3 đến 1/2 thời gian. Tỷ lệ hồ sơ trễ hạn đến năm 2021 chỉ còn 1,14%. Trong 5 năm qua, toàn tỉnh đã có hơn 454.400 hồ sơ trực tuyến được tiếp nhận, giải quyết thành công, đạt 22,7%; riêng những tháng đầu năm 2022 đạt 38,14%, tăng hơn 16,6% so với bình quân 5 năm trước. Qua 1 năm triển khai, kết quả thanh toán trực tuyến phí, lệ phí của tỉnh đạt hơn 2,8 tỷ đồng; thanh toán nghĩa vụ tài chính đất đai kết nối qua Cổng dịch vụ công quốc gia đạt hơn 240 tỷ đồng, chiếm 1/5 tổng số thu trực tuyến cả nước. So với cuối năm 2015, hiện nay, toàn tỉnh đã giảm 33 đầu mối thuộc và trực thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh (20,5%) và 63 đơn vị sự nghiệp công lập (hơn 9,2%); giảm 10,08% biên chế công chức, 10,04% biên chế viên chức. Tỉnh đã sáp nhập 2 xã ở huyện Diên Khánh thành 1 xã; giảm 13 thôn, 6 tổ dân phố. Đến năm 2020, chỉ số hài lòng đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập đạt hơn 80%, hoàn thành mục tiêu đề ra.

Tiếp tục cải thiện các chỉ số, đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến

Tuy nhiên, công tác cải cách hành chính vẫn còn một số hạn chế: Một số chỉ số thành phần về tiếp cận đất đai, tính minh bạch, chi phí thời gian, cạnh tranh bình đẳng, tính năng động, tiên phong của chính quyền, thiết chế pháp lý còn đạt thứ hạng thấp. Hồ sơ trễ hạn tập trung ở một số lĩnh vực tác động rất lớn đến kinh tế - xã hội; tỷ lệ giảm đơn vị sự nghiệp công lập chưa đạt mục tiêu...

Tại hội nghị, ông Nguyễn Hải Ninh chỉ rõ, các cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu chưa quan tâm đúng mức, chưa chủ động hoạch định các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cải cách hành chính mang tính trọng tâm. Môi trường đầu tư kinh doanh, năng lực cạnh tranh của tỉnh còn hạn chế. Một số chỉ số thấp, chưa tương xứng tiềm năng, thế mạnh, năng lực thực thi của hệ thống chính trị, bộ máy chính quyền tỉnh... Ông yêu cầu, thời gian tới, toàn tỉnh tập trung thực hiện tốt 6 nội dung công tác cải cách hành chính, trong đó cần thống nhất nhận thức, đổi mới tư duy, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính trong các cấp ủy, các ngành, địa phương, gắn với tổ chức thực hiện các nghị quyết của Trung ương về

Khánh Hòa; xem cải cách hành chính là một trong những đột phá, giải pháp quan trọng thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; quyết tâm nâng cao thứ bậc xếp hạng của các chỉ số quan trọng.

Hội nghị thống nhất thời gian tới, tỉnh tập trung thực hiện tốt việc thí điểm các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa. Đồng thời, xây dựng đề án, chính sách khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến, chậm nhất hoàn thành vào cuối tháng 6/2023; phấn đấu đến năm 2025, có tối thiểu 50% hồ thành thạo nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến. Cùng với đó, tiếp tục đẩy mạnh cải cách tổ chức bộ máy chính quyền địa phương; tăng cường phân cấp, ủy quyền quản lý nhà nước; cải cách chế độ công vụ; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Ngoài ra, tỉnh sẽ thực hiện không xếp hạng tốt với cơ quan, đơn vị có từ 5% hồ sơ trễ hạn trở lên hoặc chỉ số hài lòng từ 80% trở xuống; không xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đối với cán bộ, công chức, viên chức có hơn 10% hồ sơ trễ hạn, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương có kết quả xếp hạng cải cách hành chính từ trung bình trở xuống...

Một số mục tiêu CCHC thời gian tới: 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4; cho phép truy cập, đăng ký dịch vụ trên nhiều phương tiện, nền tảng. Từ năm 2022, 100% dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được tích hợp, liên thông với Cổng Dịch vụ công quốc gia. Đến năm 2025, giảm 50% lượt giao dịch trực tiếp, chuyển sang giao dịch trực tuyến; giảm tối thiểu 10% số đơn vị sự nghiệp công lập, 10% số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước; ít nhất 20% số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh tự chủ chi thường xuyên. Chỉ số hài lòng đạt tối thiểu 90% vào năm 2025 và 95% năm 2030. Giai đoạn 2022 - 2030, các Chỉ số: cải cách hành chính, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin (ICT Index), chuyển đổi số (DTI) của tỉnh duy trì ở nhóm 25 địa phương dẫn đầu cả nước.

Nguồn: baokhanhhoa.vn

BÌNH DƯƠNG: SẼ KHÔNG NHẬN HỒ SƠ GIẤY VÀ TIỀN MẶT KHI GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Ngày 03/8, Bí thư Tỉnh ủy Bình Dương Nguyễn Văn Lợi cho biết, địa phương đã và đang đẩy mạnh cải cách hành chính. Tỉnh ủy Bình Dương đã yêu cầu các cấp, ngành nhanh chóng rà soát bộ thủ tục hành chính, chuẩn hóa quy trình xử lý, bổ sung hoặc cắt giảm, thống nhất quy trình từ cấp cơ sở đến tỉnh và Trung ương.

Để đạt được kết quả theo kế hoạch, Bình Dương sẽ thực hiện trong 23 lĩnh vực phải có cơ sở dữ liệu; liên thông dữ liệu thông suốt giữa các ngành, các địa phương cho đến xã, phường. Bình Dương lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, là đối tượng phải được thụ hưởng thực chất từ những kết quả cải cách hành chính.

Theo Giám đốc Viettel Bình Dương Đặng Văn Nhiên, tỉnh Bình Dương đã có Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh nhưng chưa có sự liên thông từ huyện đến tỉnh, người dân cũng chưa biết hết những giá trị chuyển đổi số mang lại như những tiện ích. Từ đó, ông Nhiên cho rằng, trên cơ sở nhu cầu của người dân, nhiệm vụ của các ngành, cần lựa chọn những việc trọng tâm, trao đổi với các nhà mạng thống nhất hệ thống dữ liệu, từ đó xây dựng các nguồn vốn, thủ tục đi kèm, kế hoạch cụ thể.

Cũng theo ông Nhiên, tỉnh Bình Dương có 83% người dân sử dụng điện thoại thông minh, đây là lợi thế để triển khai chuyển đổi số; đáp ứng nhu cầu không thanh toán tiền mặt trong giao dịch, Viettel và các nhà mạng khác đã sẵn sàng và liên kết với ngân hàng đã triển khai các gói dịch vụ.

Liên quan đến cải cách hành chính, Bí thư Tỉnh ủy Bình Dương Nguyễn Văn Lợi cho hay, đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương phối hợp chặt chẽ, triển khai nhanh chóng kịp kế hoạch đề ra. Cụ thể, dự kiến từ tháng 9/2022, Bình Dương sẽ không tiếp nhận hồ sơ giấy; hướng tới thực hiện 3 không: Không dùng tiền mặt, không nhận hồ sơ giấy, không cần đến Trung tâm Hành chính công.

Theo báo cáo của Sở Thông tin và Truyền thông, đến nay đã có 18/19 sở, ban, ngành và 8/9 địa phương thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số; 14/19 sở, ban, ngành và 6/9 địa phương ban hành kế hoạch chuyển đổi số năm 2022. Bình Dương cũng đã hoàn thành cung cấp số liệu để đánh giá mức độ chuyển đổi số của Bộ, ngành, địa phương, Quốc gia (Chỉ số DTI) theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Trong 6 tháng đầu năm 2022, Cổng dịch vụ công tỉnh Bình Dương đã triển khai được 1.159 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 cấp tỉnh, huyện, xã. Tỷ lệ giải quyết đúng hạn tại Trung tâm Hành chính công đạt 98,97%, hồ sơ tiếp nhận và giải quyết mức độ 3 và 4 tăng 77,46% so với cùng kỳ năm 2021.

Nguồn: tienphong.vn

BÀ RỊA - VŨNG TÀU: CHUYỂN ĐỔI SỐ, NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Hiện nhiều giải pháp chuyển đổi số của ngành Tài nguyên và Môi trường đã đưa vào ứng dụng thực tiễn, không chỉ giúp cơ quan chức năng thuận tiện trong việc quản lý mà còn tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận các vấn đề liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Thực hiện phương châm “4 không, 1 có”

Chị Vũ Thị Ninh (ngụ đường Võ Văn Tần, phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu) cho biết, chị tham gia đầu tư đất đai tại một số huyện Xuyên Mộc, Đất Đỏ, Châu Đức. Trước đây, mỗi

lần muốn xem thông tin về một thửa đất, chị thường phải nhờ người quen xem quy hoạch, khiến vừa mất thời gian vừa phiền hà. Sau khi cài đặt ứng dụng “Sổ tay quản lý đất đai”, trên điện thoại thông minh, chị dễ dàng tra cứu được các thông tin: diện tích, loại đất, quy hoạch toàn vùng...

Theo Sở Tài nguyên và Môi trường, với những người sử dụng thiết bị di động như điện thoại thông minh, máy tính bảng (iPad, Samsung tab), việc cài đặt ứng dụng rất nhanh chóng và dễ dàng. Người sử dụng chỉ cần vào kho ứng dụng App Store hoặc Google Play, tìm kiếm theo từ khóa iLand rồi chọn ứng dụng này cài đặt. Ứng dụng chia thành 4 hình thức sử dụng liên quan đến tài khoản đăng nhập.

Đây chỉ là một trong số rất nhiều những ứng dụng của ngành Tài nguyên và Môi trường mang lại giá trị thiết thực được nhiều người dân, doanh nghiệp đánh giá cao, qua đó hạn chế các thủ tục hành chính, giảm thời gian đi lại và giúp cơ quan chức năng quản lý tốt hơn lĩnh vực phụ trách.

Theo Giám đốc Trung tâm công nghệ thông tin (Sở Tài nguyên và Môi trường) Phạm Huỳnh Quang Hiếu, ngoài ứng dụng Sổ tay quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường còn đưa vào ứng dụng tra cứu thông tin quy hoạch, quản lý đất công, ứng dụng tra cứu sổ đỏ. Đồng thời, triển khai thí điểm một số thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất “không biên giới” tại TP. Bà Rịa, huyện Long Điền. Nhờ đó, công tác cải cách hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường thời gian qua đã có chuyển biến tích cực, đặc biệt là trong lĩnh vực đất đai. Kết quả này được chứng minh, khi chỉ số tiếp cận đất đai của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tăng từ 6,85 điểm năm (năm 2020) lên 7,01 điểm (năm 2021). Đây là mức cao nhất trong vòng 6 năm qua, giúp tỉnh vươn lên vị trí thứ 2 trong khu vực Đông Nam bộ, chỉ sau Bình Dương (thứ 6) và vượt qua TP. Hồ Chí Minh (thứ 14).

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Nguyễn Văn Hải cho biết, có được kết quả trên là nhờ thời gian qua Sở đã triển khai thực hiện có hiệu quả phương châm “4 không, 1 có”: làm việc không giấy tờ; hội họp không tập trung; dịch vụ công không gặp mặt; thanh toán không dùng tiền mặt và có số hóa thông tin, dữ liệu. Đồng thời, thường xuyên tuyên truyền, cung cấp thông tin về chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định hiện hành trên Cổng thông tin điện tử; thực hiện 100% chữ ký số, kiên quyết không sử dụng văn bản giấy trong luân chuyển văn bản; chia sẻ văn bản, tài liệu trên môi trường mạng; thực hiện chỉ đạo điều hành thông qua email và tin nhắn; quản lý tiến độ trên file và phần mềm chuyên dụng.

Phát triển dữ liệu số

Ông Nguyễn Văn Hải cho biết thêm, hiện Sở quản lý nhiều hoạt động thuộc 5 lĩnh vực cơ bản: đất đai, bảo vệ môi trường, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn - biến đổi khí hậu, biển và hải đảo. Những năm gần đây, Sở luôn chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Theo đó, ngay từ đầu năm, Sở đã tập trung giải quyết hồ sơ đúng hạn, hạn chế tối đa tình trạng hồ sơ quá hạn, đặc biệt là tình trạng “ngâm”

hồ sơ thông qua việc thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ.

Để tiếp tục lộ trình chuyển đổi số ngành Tài nguyên và Môi trường, Sở đã thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường; duy trì hoạt động hệ thống thông tin, dữ liệu của ngành. Đồng thời, điều tra, thu thập, cập nhật dữ liệu tài nguyên và môi trường; nâng cấp phần mềm ViLIS phục vụ công tác xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; vận hành phần mềm quản lý đất công trên địa bàn tỉnh.

Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường cũng khẳng định, ngành Tài nguyên và Môi trường được chọn là một trong những lĩnh vực đầu tiên phải có trong mắt xích của “đô thị thông minh, chính quyền điện tử”. Vì vậy, năm 2022, Sở đẩy mạnh phương thức tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích và môi trường mạng mức độ 3, 4; triển khai thanh toán phí, lệ phí và các chi phí khác để người dân, doanh nghiệp thanh toán không dùng tiền mặt bằng nhiều phương tiện khác nhau. Đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành Tài nguyên và Môi trường. Song song đó, Sở cũng xây dựng dự án “Triển khai các dịch vụ, tiện ích quản lý tài nguyên, môi trường thông minh”; nâng cấp hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước và nâng cấp phần mềm quản lý dữ liệu môi trường; xây dựng bổ sung các cơ sở dữ liệu thành phần của ngành Tài nguyên và Môi trường để chia sẻ thông tin, dữ liệu cho các cơ quan chức năng và kết nối dữ liệu với Trung tâm điều hành giám sát thông minh tỉnh.

Nguồn: baobariavungtau.com.vn

TIỀN GIANG: NÊU CAO TÍNH THẬN TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TẠI ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG

Chiều ngày 01/8, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang đã tổ chức hội nghị Sơ kết công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022 trên địa bàn tỉnh.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang Nguyễn Văn Vĩnh, Trưởng ban Ban chỉ đạo nâng cao Chỉ số Cải cách hành chính (Par Index), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Tiền Giang chủ trì Hội nghị.

Theo báo cáo của Sở Nội vụ (Thường trực Ban Chỉ đạo), trong 6 tháng đầu năm, xuất phát từ tình hình chung trong phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nên việc thực hiện các chỉ tiêu cải cách hành chính có nhiều khả quan, nhiều chỉ tiêu đạt trên 50% và có khả năng đạt và vượt chỉ tiêu đề ra vào cuối năm 2022. Báo cáo cung nêu rõ cụ thể các nội dung công việc, các chỉ tiêu đạt, chưa đạt tại 08 lĩnh vực trong bộ chỉ số Cải cách hành chính để từ đó các sở, ngành, địa phương cùng nhau đưa ra các phương hướng cụ thể để đạt mục tiêu cuối năm 2022.

Cũng tại hội nghị, với sự trao đổi và nhìn nhận thẳng vấn đề của các sở, ngành tỉnh và các địa phương về các nội dung tiêu chí, tiêu chính thành phần trong bộ Chỉ số cải cách hành chính chưa đạt, các nội dung còn khó khăn, khúc mắc và đưa ra các kiến nghị giải pháp để cùng nhau phối hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang chỉ đạo thực hiện nhằm nâng cao Chỉ số cải cách hành chính tại địa phương và sự hài lòng của người dân, nhất là sự phối hợp trong việc giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, giảm thiểu tình trạng tồn đọng và quá hạn hồ sơ, tránh sự dư luận của người dân và tạo niềm tin cho người dân trong việc giải quyết thủ tục hành chính. Chính vì vậy, tại Hội nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang chỉ đạo phải tập trung thực hiện nghiêm việc “Nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tại đơn vị, địa phương”.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang còn yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 06/10/2021 của Tỉnh Ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao các Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Tiền Giang, giai đoạn 2021 - 2025 và cụ thể từng năm, đồng thời chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nhiệm vụ về cải cách hành chính.

Ngoài ra, giao Sở Nội vụ phối hợp với các đơn vị thực hiện hướng dẫn, tập huấn cho công chức chuyên trách công tác cải cách hành chính hiểu rõ và tham mưu thực hiện tốt các nội dung Chỉ số cải cách hành chính theo nhiệm vụ được giao. Đồng thời, tăng cường kiểm tra việc thực hiện kỷ luật kỷ cương của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

Đông Triều, Sở Nội vụ tỉnh Tiền Giang

CÀ MAU: RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH TIÊU CHUẨN ĐIỀU KIỆN BỔ NHIỆM CÁN BỘ

Ngày 02/8, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau Huỳnh Quốc Việt vừa ký công văn gửi Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, TP. Cà Mau về việc rà soát, điều chỉnh tiêu chuẩn điều kiện bổ nhiệm cán bộ.

Theo đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố rà soát lại các quy định của Bộ, ngành Trung ương quy định tiêu chuẩn chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc và tương đương sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đồng thời, khẩn trương rà soát lại đề án vị trí việc làm đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; xác định từng chức danh, nhiệm vụ thực hiện, yêu cầu về trình độ ngoại ngữ đảm bảo phù hợp, hiệu quả theo quy định của Bộ, ngành Trung ương.

“Trường hợp, các chức danh lãnh đạo, quản lý chưa được Bộ, ngành Trung ương quy định, thì áp dụng tiêu chuẩn chung và vận dụng tiêu chuẩn chức danh tương đương có vị trí, tính chất tương đồng để tổ chức, thực hiện”, công văn nêu rõ.

Cụ thể, như Thông tư 01/2019/TT-BTTTT ngày 05/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành quy định tiêu chuẩn chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc và tương đương phải có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3; Quyết định số 04/2008/QĐ-BCT ngày 03/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành tiêu chuẩn Giám đốc Sở phải biết một ngoại ngữ thông dụng trình độ C trở lên;...

Về thành phần, hồ sơ trình cấp thẩm quyền phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau yêu cầu phải căn cứ theo Hướng dẫn số 113/HD-SNV ngày 22/3/2022 của Sở Nội vụ. Thời gian hoàn thiện việc xây dựng điều chỉnh đề án vị trí việc làm gửi về Sở Nội vụ chậm nhất đến hết ngày 10/8/2022.

Ngoài ra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh còn giao Giám đốc Sở Nội vụ khẩn trương thẩm định, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau xem xét, quyết định phê duyệt đề án vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị trong thời gian sớm nhất.

Nguồn: tienphong.vn

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ VĂN HÓA TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Để khơi dậy và phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững thì việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ văn hóa có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Bởi đây là một trong những nhân tố quan trọng góp phần vào việc định hướng, tổ chức và huy động sức sáng tạo trong Nhân dân, cùng với các nguồn lực khác hiện thực hóa khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

1. Cán bộ văn hóa có vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng trong việc tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền trong việc xây dựng, ban hành chủ trương, chính sách để lãnh đạo, triển khai sự nghiệp phát triển văn hóa, đảm bảo đúng định hướng, mục tiêu của Đảng, Nhà nước.

Trong những năm tháng chiến tranh cách mạng, cùng với những binh chủng, lực lượng khác, đội ngũ cán bộ văn hóa đã luôn có mặt ở những tuyến đầu mặt trận, các phong trào thi đua lao động sản xuất xây dựng đời sống mới, “ba cùng” với Nhân dân - vừa tham gia kháng chiến, vừa làm công tác tuyên truyền đường lối cách mạng. Đội ngũ cán bộ văn hóa đã góp phần tích cực nắm bắt, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân, đồng thời huy động sức mạnh quần chúng cùng với Đảng, Nhà nước thực hiện những mục tiêu, sứ mệnh đã đề ra.

Trong những giai đoạn, thời kỳ lịch sử nhất định, cán bộ văn hóa đảm đương nhiều vai trò - vừa hoạt động chính trị, vừa là nghệ sĩ trực tiếp sáng tạo những tác phẩm nghệ thuật có sức cổ vũ lớn, đồng thời là những chiến sĩ cách mạng trung thành với Tổ quốc, với Đảng. Hình ảnh, sức ảnh hưởng của cán bộ văn hóa trong những năm kháng chiến như “ngọn đuốc soi đường”, cổ vũ, động viên và tập hợp quần chúng nhân dân đi theo lời hiệu triệu của Đảng, đoàn kết đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc.

Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận, anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy.

Hồ Chí Minh

Ngày nay, đội ngũ cán bộ văn hóa các cấp không ngừng được bổ sung, tăng cường về số lượng; trình độ chuyên môn nghiệp vụ được nâng cao; sẵn sàng nhận những nhiệm vụ khó khăn, đem tri thức, thông tin hữu ích đến với đồng bào, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; cổ vũ, khuyến khích mọi thành phần, tầng lớp không ngừng nỗ lực vươn lên, xây dựng cuộc sống ngày càng ấm no, hạnh phúc.

Trong điều kiện hiện nay, bên cạnh nhiệm vụ phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất cho Nhân dân thì việc kiến tạo môi trường văn hóa lành mạnh, phát triển con người toàn diện được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Để khơi dậy và phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước thì việc phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ văn hóa các cấp có ý nghĩa quan trọng, bởi đây là nhân tố “then chốt của then chốt”, góp phần khơi thông những mạch nguồn văn hóa, để văn hóa thực sự trở thành nguồn lực nội sinh, là “sức mạnh mềm” trong phát triển đất nước hiện nay.

Một nhiệm vụ lớn trong sự nghiệp phát triển văn hóa, con người Việt Nam mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đề ra là: “Đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, tham mưu trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, nhất là cán bộ chủ chốt thực sự am hiểu về văn hóa, có phẩm chất, bản lĩnh, năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ”(1).

2. Trong những năm qua, với sự quan tâm, đầu tư của Đảng, Nhà nước, đội ngũ cán bộ văn hóa các cấp không ngừng được bổ sung, gia tăng về số lượng lẫn chất lượng; bộ máy quản lý văn hóa từ trung ương đến địa phương được kiện toàn, tạo mạng lưới cán bộ văn hóa rộng khắp trên mọi miền, giúp cho lĩnh vực văn hóa, nhất là đời sống văn hóa tinh thần của người dân ngày càng phong phú đa dạng. Đội ngũ cán bộ văn hóa có tâm, có tầm, có trách nhiệm đã có những đóng góp quan trọng vào việc khai thông, “mở đường” phát triển văn hóa.

Nhìn nhận, đánh giá về thực trạng đội ngũ cán bộ văn hóa thời gian qua với những ưu điểm và những bất cập, hạn chế đang đặt ra là việc làm cần thiết, có ý nghĩa, từ đó xây dựng đội ngũ cán bộ văn hóa “vừa hồng, vừa chuyên”, đáp ứng tốt yêu cầu sự nghiệp phát triển văn hóa, con người Việt Nam hiện nay.

Năm 2011, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 (Quyết định số 1216/QĐ-TTg), trong đó đề ra “nhân lực trực tiếp làm việc trong lĩnh vực văn hóa, thể thao đến năm 2020 khoảng 113 nghìn người. Nhân lực ngành du lịch đến năm 2020 khoảng 870 nghìn người, trong đó tỷ lệ nhân lực qua đào tạo chiếm khoảng 58.0% tổng số nhân lực của ngành”(2). Trên cơ sở Quyết định số 1216/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) ban hành Quyết định Quy hoạch phát triển nhân lực nhóm ngành văn hóa, thể thao giai đoạn 2011 - 2020, trong đó xác định mục tiêu nhân lực trực tiếp của ngành văn hóa, thể thao đến năm 2015 là 87.950 người, năm 2020 là 112.700 người (tỷ lệ tăng bình quân giai đoạn 2011 - 2015 là 3.3%; giai đoạn 2016 - 2020 là 5.5%)”(3). Song song với mục tiêu gia tăng về nguồn nhân lực thì công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ văn hóa luôn được các cấp, các ngành quan tâm, chú trọng.

Qua gần 10 năm thực hiện các quyết định của nêu trên, đội ngũ cán bộ văn hóa ngày càng được tăng cường, bổ sung với cơ cấu hợp lý về độ tuổi, giới tính, trình độ và sự phân bổ giữa các vùng miền, giữa các cấp quản lý hành chính nhà nước.

Tính đến năm 2020, riêng đội ngũ cán bộ, công chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã đạt 880 người, trong đó số cán bộ có trình độ cao, có học hàm, học vị tăng đáng kể, nhiều cán bộ có trình độ, năng lực, nắm giữ những vị trí quản lý quan trọng của các cơ quan ngành văn hóa - nghệ thuật khi tuổi đời còn khá trẻ.

Đội ngũ cán bộ văn hóa có trình độ, năng lực ở các địa phương cũng tăng lên về số lượng; được biên chế ở các phòng chuyên môn thuộc cấp sở (tỉnh, thành phố) như phòng Nghiệp vụ văn hóa, phòng Xây dựng nếp sống văn hóa và gia đình, phòng Quản lý di sản với mức định biên cán bộ khoảng từ 5 - 7 người/phòng. Ở cấp huyện, cán bộ văn hóa được định biên từ 5 - 7 người, làm việc ở phòng Văn hóa Thông tin.

Hiện nay, 100% xã, phường, thị trấn trên cả nước đều bố trí ít nhất 1 cán bộ công chức chuyên trách Văn hóa - Xã hội, giúp chính quyền xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch; vận động nhân dân và các tổ chức, đơn vị thực hiện xã hội hóa, huy động các nguồn lực để xây dựng, phát triển sự nghiệp văn hóa ở địa phương.

Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ văn hóa các cấp còn được tuyển dụng, biên chế, hợp đồng lao động tại các Trung tâm văn hóa cấp tỉnh, cấp huyện (với định biên từ 10 - 15 người ở Trung tâm văn hóa cấp tỉnh; 8 - 10 người đối với Trung tâm văn hóa cấp huyện). Đây là lực lượng cán bộ, công chức, viên chức đảm nhiệm việc hướng dẫn, tổ chức thực hiện nội dung và các chương trình hoạt động văn hóa ở cơ sở. Nhiều địa phương đã bố trí đội ngũ cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách đảm đương nhiệm vụ quản lý, tổ chức hoạt động của các thiết chế. Theo thống kê, trên cả nước hiện có 75 thiết chế văn hóa cấp tỉnh, gồm 69 Trung tâm Văn hóa, 4 Trung tâm Văn hóa Điện ảnh và 2 Trung tâm Thông tin - Triễn lãm; cấp quận, huyện có 613/709 huyện có Trung tâm văn hóa hoặc Nhà văn hóa cấp huyện; 5.966/11.198 xã, phường, thị trấn có Trung tâm Văn hóa - Thể thao. Cả nước có 61 Đội Tuyên truyền lưu động cấp tỉnh, 628 đội cấp huyện.

Để góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực văn hóa bài bản chính quy, chuyên sâu về các ngành, lĩnh vực cũng như góp phần bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ văn hóa đương nhiệm, hệ thống các cơ sở đào tạo cán bộ văn hóa ngày càng được nâng cấp, đầu tư, phát triển theo hướng hiện đại, tiên tiến, cập nhật những tri thức mới về quản lý, xây dựng, phát triển văn hóa ở trong và ngoài nước. Đến nay cả nước có 108 cơ sở đào tạo tham gia đào tạo văn hóa - nghệ thuật gồm 33 trường đại học, 1 viện, 47 trường cao đẳng, 27 trường trung cấp, trong đó lực lượng chủ chốt là 18 cơ sở đào tạo trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Các cơ sở đào tạo nhân lực văn hóa, nghệ thuật phủ kín hầu hết các tỉnh, thành phố, phần lớn tập trung ở các đô thị, địa bàn đông dân cư, tạo thuận lợi cho người học và gắn với nhu cầu sử dụng nhân lực, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và thưởng thức nghệ thuật của công chúng.

Để khuyến khích, thu hút tài năng trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật cũng như trọng dụng, đãi ngộ đội ngũ cán bộ văn hóa tâm huyết, gắn bó với nghề, có nhiều cống hiến vào sự nghiệp bảo tồn, phát huy di sản văn hóa dân tộc, Nhà nước đã không ngừng đổi mới cơ chế, chính sách đãi ngộ, tạo điều kiện thuận lợi về môi trường làm việc; mở rộng cơ hội cho cán bộ tham dự các chương trình đào tạo, tập huấn ở trong và ngoài nước nhằm nâng cao trình độ, năng lực quản lý, đáp ứng yêu cầu tình hình mới. Thời gian qua, nhiều đề án về đào tạo, phát triển tài năng trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao đã được Chính phủ ban hành và triển khai có hiệu quả như các đề án: “Xây dựng đội ngũ trí thức ngành văn hóa, thể thao và du lịch đến năm 2020, tầm nhìn 2030”; “Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo của các trường văn hóa nghệ thuật giai đoạn 2011 - 2020”; “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên trình độ cao trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, giai đoạn 2011 - 2020”; “Đào tạo tài năng văn hóa nghệ thuật giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”... Bên cạnh đó, nhiều nghị định, thông tư về xét tặng các giải thưởng Nhà nước, giải thưởng Hồ Chí Minh, danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú cho những cá nhân có thành tích, cống hiến xuất

sắc trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật cũng đã được ban hành; ghi nhận, tôn vinh những nghệ nhân, nghệ sĩ có nhiều đóng góp vào sự phát triển của nền văn hóa, văn nghệ nước nhà.

Trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin hiện nay, đội ngũ cán bộ văn hóa không ngừng được mở ra những cơ hội trao đổi, chia sẻ, nắm bắt thông tin; đồng thời tích cực học tập kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của thế giới trong quản lý, tổ chức đời sống văn hóa cộng đồng; góp phần thực hiện ngày càng tốt hơn, chất lượng hơn trọng trách, sứ mệnh được giao phó.

Bên cạnh những điều kiện thuận lợi thì đội ngũ cán bộ văn hóa cũng đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức, xuất phát từ những nguyên nhân chủ quan và khách quan, như:

Một là, nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền địa phương về văn hóa chưa thực sự đầy đủ, toàn diện, thậm chí xem nhẹ lĩnh vực văn hóa nên việc bố trí, cất nhắc cán bộ có tâm, có năng lực cho các cơ quan, đơn vị văn hóa còn nhiều bất cập. Vẫn còn tình trạng bố trí, cất nhắc cán bộ làm văn hóa những lại không được đào tạo bài bản, không có kinh nghiệm về quản lý văn hóa, thậm chí là yếu về năng lực, chuyên môn, không đảm nhiệm được công việc ở các bộ phận, đơn vị khác thì được điều chuyển về làm công tác văn hóa.

Vẫn còn tư duy coi công tác văn hóa là hoạt động phong trào, “hô hào khẩu hiệu”, “cờ đèn kèn trống”, ai cũng có thể làm được. Điều này khiến cho công tác quản lý, lãnh đạo, tổ chức đời sống văn hóa ở cơ sở còn gặp không ít khó khăn, bất cập; cán bộ văn hóa lúng túng trong xử lý tình huống nảy sinh.

Hai là, mặc dù trong những năm qua, cán bộ văn hóa có sự gia tăng về số lượng nhưng mặt bằng về chất lượng vẫn còn “nhiều điều phải bàn”; cơ cấu cán bộ giữa các vùng miền còn có sự chênh lệch, đặc biệt ở cấp cơ sở - nơi trực tiếp gần dân, gắn liền với đời sống văn hóa sinh động, phong phú của Nhân dân. Nhiều vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo, đội ngũ cán bộ văn hóa còn thiếu về số lượng, yếu về năng lực, trình độ. Do những yếu tố đặc thù của điều kiện tự nhiên, vùng miền, tộc người nên việc đào tạo, tuyển dụng cán bộ nói chung và cán bộ văn hóa nói riêng còn gặp nhiều khó khăn, nhất là việc đào tạo cán bộ văn hóa là người dân tộc thiểu số.

Ba là, vẫn còn không ít bất cập, mâu thuẫn chưa thể giải quyết được trong “một sớm một chiều”, xuất phát từ những thực tế như: trình độ học vấn của đa số con em đồng bào còn thấp; nhiều học sinh, sinh viên được cử đi đào tạo, tập huấn nhưng không muốn quay về phục vụ địa phương; một số người có kinh nghiệm, uy tín trong cộng đồng, tâm huyết với sự nghiệp văn hóa, nhưng “vướng rào cản” về bằng cấp, chứng chỉ, ngoại ngữ nên khó được tuyển dụng vào làm việc tại các cơ quan nhà nước.

Bên cạnh đó, những chính sách về tiền lương, đãi ngộ, điều kiện, môi trường làm việc ở nhiều nơi còn thấp so với mức tăng trưởng của nền kinh tế và giá cả thị trường, nên cuộc sống của nhiều cán bộ văn hóa còn gặp nhiều khó khăn. Điều này ảnh hưởng lớn đến chất lượng, hiệu quả công tác chuyên môn khi cán bộ chưa thể “tận tâm tận lực” với công việc được giao.

Bốn là, trong bối cảnh giao lưu, hội nhập toàn cầu, vẫn còn một bộ phận cán bộ văn hóa, trong đó có cán bộ trẻ chậm thích ứng, chậm đổi mới, hạn chế về năng lực ngoại ngữ, tin học; chưa khắc phục được lối làm việc máy móc, rập khuôn, mệnh lệnh hành chính... Đây cũng là

nguyên nhân khiến cho việc trao đổi, hợp tác văn hóa giữa các vùng miền, với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới thiếu tính hiệu quả.

3. Để khắc phục những những bất cập, hạn chế trong phát triển nguồn nhân lực văn hóa, Đảng ta đã ban hành nhiều nghị quyết chuyên đề về phát triển văn hóa, trong đó đều nhấn mạnh đến một trong những nhiệm vụ, giải pháp cơ bản là phải tập trung xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ làm văn hóa đủ về số lượng; đảm bảo cơ cấu vùng miền, lứa tuổi, trình độ; có phẩm chất, năng lực chuyên môn, am hiểu lĩnh vực công tác, xứng tầm với yêu cầu, nhiệm vụ của tình hình mới.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI (năm 2014) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” xác định: Xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ văn hóa. Coi trọng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa, cán bộ làm công tác khoa học, chuyên gia đầu ngành, cán bộ ở cơ sở. Đổi mới đào tạo, bồi dưỡng cán bộ văn hóa theo hướng hiện đại và hội nhập quốc tế. Có chính sách phát hiện, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh cán bộ trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; trọng dụng người có tài, có đức. Điều chỉnh chế độ tiền lương, trợ cấp đối với những người hoạt động trong các bộ môn nghệ thuật đặc thù.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục nêu lên nhiệm vụ đối với ngành văn hóa: “Rà soát toàn bộ hệ thống các trường đào tạo cán bộ văn hóa, văn nghệ, đổi mới và hiện đại hóa quy trình, nội dung, phương thức đào tạo để trong 5 - 10 năm tới khắc phục về cơ bản sự thiếu hụt về đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa”(4).

Để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ văn hóa các cấp, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp phát triển văn hóa và quá trình phát triển đất nước, cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó có những giải pháp cơ bản như:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành về vai trò, vị trí của văn hóa nói chung và cán bộ làm văn hóa nói riêng. Đây là một trong những lĩnh vực đặc biệt nhạy cảm, tinh tế, liên quan đến nền tảng tinh thần, mục tiêu, động lực của sự phát triển; liên quan trực tiếp đến đời sống tư tưởng, tình cảm và lối sống của cá nhân, cộng đồng; có ảnh hưởng tới kho tàng tri thức, kinh nghiệm, di sản văn hóa phong phú, độc đáo, đa dạng của mỗi cộng đồng, tộc người. Đây cũng là lĩnh vực đòi hỏi luôn có sự đổi mới, sáng tạo để văn hóa không ngừng được nảy sinh, kiến tạo. Vì thế, lựa chọn đội ngũ cán bộ văn hóa có tâm, có tầm, có phẩm chất đạo đức, năng lực, uy tín là tiền đề quan trọng để lãnh đạo, quản lý có chất lượng, hiệu quả lĩnh vực văn hóa. Qua đó tạo những bước đột phá, phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam.

Thứ hai, trong tình hình mới đòi hỏi mỗi cán bộ văn hóa phải không ngừng tự trau dồi, nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ, năng lực chuyên môn; phải luôn nêu cao tinh thần tiên phong, gương mẫu, xung kích đi đầu trong mọi nhiệm vụ, phong trào. Tùy thuộc vào điều kiện vùng miền, địa phương, cán bộ văn hóa cần có phương thức ứng xử linh hoạt, phù hợp với thuần phong mỹ tục và phong tục tập quán của đồng bào; nắm vững tình hình thực tiễn với phương châm gần dân, trọng dân, hiểu dân, quý dân, lắng nghe dân, dựa vào nhân dân để

cùng nhân dân quản lý tốt đời sống văn hóa. Huy động sự tham gia của các nghệ nhân dân gian, già làng trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng cùng tham gia quản lý, tổ chức, điều hành các hoạt động văn hóa, đảm bảo tốt nhất quyền công dân trong sáng tạo, thực hành và thụ hưởng thành quả văn hóa.

Thứ ba, khẩn trương xây dựng, bổ sung, hoàn thiện và đổi mới nội dung chương trình bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng chuyên ngành văn hóa ở các cơ sở đào tạo. Có cơ chế, chính sách đãi ngộ, thu hút sinh viên là con em đồng bào dân tộc thiểu số vào học trong các cơ sở đào tạo về văn hóa nghệ thuật. Đổi mới chính sách trọng dụng cán bộ văn hóa công tác ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Đối với cán bộ trực tiếp tham gia sáng tác, trình diễn và thực hành văn hóa, văn nghệ, đặc biệt là trong thực hành, truyền dạy các giá trị di sản văn hóa phi vật thể; tài năng nghệ thuật trẻ trong những ngành nghề đặc thù... cần có cơ chế mở, linh hoạt về tuyển dụng, chế độ tiền lương, điều kiện làm việc để họ phát huy tốt nhất tài năng, sức sáng tạo, cống hiến vào sự phát triển văn hóa nghệ thuật nước nhà.

Thứ tư, trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, để thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cùng với không ngừng củng cố trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, cán bộ văn hóa phải tự “bồi đắp” nâng cao tri thức, kiến thức, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ. Cán bộ văn hóa công tác tại vùng dân tộc thiểu số phải am hiểu ngôn ngữ của đồng bào, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền để người dân dễ dàng tiếp cận với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

Thứ năm, tiếp tục triển khai thực hiện có chất lượng, hiệu quả chiến lược phát triển nguồn nhân lực văn hóa, thể thao, du lịch của Chính phủ; các đề án của ngành văn hóa; nâng cao chất lượng tham mưu cấp ủy, chính quyền trong hoạch định đường lối, chính sách phát triển văn hóa kịp thời, hiệu quả để thúc đẩy sự nghiệp văn hóa ngày càng phát triển.

Văn hóa không chỉ là nền tảng tinh thần, mục tiêu, động lực của sự phát triển mà nguồn vốn văn hóa truyền thống và những giá trị tiếp biến hiện tại đang là tài nguyên vô giá, là sức mạnh nội sinh, “sức mạnh mềm”, góp phần quan trọng vào quá trình phát triển bền vững đất nước. Quan tâm, nâng cao năng lực, trình độ, phẩm chất của đội ngũ cán bộ văn hóa là một trong những tiền đề “then chốt” để tạo dựng nền tảng tinh thần lành mạnh, nhân văn, cùng với các ngành, lĩnh vực khác sớm hiện thực hóa khát vọng xây dựng nước Việt Nam thịnh vượng, hùng cường.

TS. Nguyễn Huy Phòng

Nguồn: tuyengiao.vn

(1) (4) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, H, 2021, t.1, tr.146,147

(2) Quyết định số 1213/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về “Phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020”.

(3) Quyết định số 3067/QĐ-BVHTTDL ngày 29/9/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về “Quy hoạch phát triển nhân lực nhóm ngành văn hóa, thể thao giai đoạn 2011 - 2020”.

DỪNG THÍ ĐIỂM HỢP NHẤT: CÓ CẦN ĐÁNH GIÁ CÁI ĐƯỢC, CÁI CHƯA ĐƯỢC

Bộ Chính trị đã quyết định tạm dừng thực hiện thí điểm các mô hình hợp nhất như: Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra cấp ủy đồng thời là Chánh Thanh tra cấp tỉnh, huyện; Trưởng ban Ban Tổ chức cấp tỉnh đồng thời là Giám đốc Sở Nội vụ. Câu hỏi đặt ra là: Liệu biên chế trong thời gian tới sẽ tăng trở lại? Trao đổi về vấn đề này, ông Nguyễn Tiến Dĩnh, nguyên Thứ trưởng Bộ Nội vụ khẳng định: Không lo ngại vấn đề trên.

Phóng viên: Thưa ông, Bộ Chính trị vừa quyết định các địa phương hợp nhất Trưởng ban Ban Dân vận đồng thời là Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, huyện. Nhưng lại tạm dừng thí điểm các mô hình hợp nhất như: Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra cấp ủy đồng thời là Chánh thanh tra cấp tỉnh, huyện; Trưởng ban Ban Tổ chức cấp tỉnh đồng thời là Giám đốc Sở Nội vụ. Quan điểm của ông như thế nào về vấn đề này?

Ông Nguyễn Tiến Dĩnh: Mặt trận và Dân vận là những cơ quan có tính tương đồng, gần gũi với nhau. Còn Ủy ban Kiểm tra, Ban Tổ chức, Thanh tra và Nội vụ có nhiều nhiệm vụ khác nhau. Một bên thuộc khối Đảng, một bên là Nhà nước, khối chính quyền nên quản lý đối tượng không giống nhau. Nội vụ tuy là tổ chức nhưng quản lý đối tượng là công chức, và viên chức. Còn bên Ban Tổ chức là quản lý công tác cán bộ. Thực tế nếu có hợp nhất các cơ quan đó vào thì vẫn phải chia làm hai bộ phận, chứ không làm chung được. Tương tự, Ủy ban Kiểm tra với Thanh tra cũng vậy, vẫn phải chia tách ra hai bộ phận. Đặc biệt, các tỉnh đều có ý kiến phản ánh việc hợp nhất là chưa hợp lý.

Phóng viên: Trong nhiệm kỳ qua chúng ta đã vượt chỉ tiêu tinh giản biên chế là 10%. Nhưng cũng có ý kiến lo ngại việc bỏ thí điểm hợp nhất, quay trở lại như cũ thì biên chế sẽ tăng và ảnh hưởng đến mục tiêu tinh giản biên chế, thưa ông?

Ông Nguyễn Tiến Dĩnh: Thực ra quay trở lại mô hình trước khi thí điểm cũng không làm tăng biên chế. Bởi hợp nhất là để gọn đầu mối, chứ chưa chắc đã giảm đi nhiều biên chế. Vì khi hợp nhất thực chất vẫn còn hai khối. Khi hợp nhất chỉ giảm thủ trưởng và thực tế số biên chế là thủ trưởng không nhiều. Đặc biệt, không nhiều tỉnh, thành áp dụng thí điểm hợp nhất Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra cấp ủy đồng thời là Chánh Thanh tra cấp tỉnh, huyện; Trưởng ban Ban tổ chức cấp tỉnh đồng thời là Giám đốc Sở Nội vụ. Chỉ có tỉnh Quảng Ninh và một vài tỉnh thực hiện. Riêng hợp nhất Mặt trận và Dân vận thì nhiều nơi thực hiện, và chủ yếu thực hiện ở cấp huyện.

Còn để thực hiện mục tiêu tinh giản biên chế thì phải tinh giản trong từng cơ quan, bộ phận. Hiện tại nhiều bộ đã tinh giản các tổng cục. Sắp tới sẽ có rất ít tổng cục, mà chỉ còn cục và vụ. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đến nay gần như không còn tổng cục. Rồi ngay bản thân các cục, vụ cũng cần sắp xếp lại bộ máy cho hiệu quả.

Phóng viên: Nhưng đây cũng là vấn đề cần nhìn nhận, đánh giá để tổng kết lại?

Ông Nguyễn Tiến Dĩnh: Đúng là dừng, nhưng chúng ta cũng cần có đánh giá, tổng kết lại. Đây là vấn đề đã thí điểm gần 10 năm nay. Bây giờ đánh giá lại để thấy cái được, cái chưa được. Sau đó hoàn thiện những cái được để áp dụng vào thực tiễn. Cũng như hiện nay chúng ta tạm dừng thực hiện thí điểm một số các mô hình hợp nhất, còn chủ trương Trưởng ban Ban Dân vận đồng thời là Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc thì vẫn đang thực hiện.

Phóng viên: Điều quan trọng trong tinh giản biên chế hiện nay là sắp xếp lại bộ máy bên trong các Bộ, cơ quan ngang Bộ, thưa ông?

Ông Nguyễn Tiến Dĩnh: Thời điểm trước Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII đã từng có Đề án sáp nhập một vài bộ. Nhưng sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, chúng ta chủ trương giữ ổn định các Bộ, ngành như hiện nay. Cơ bản chúng ta giữ các Bộ, ngành như vậy nhưng sắp xếp lại cơ cấu của Bộ, ngành. Như thế, gần như mô hình tổng cục còn rất ít. Bây giờ không chỉ cơ cấu bên trong Bộ, mà bộ máy của các sở cũng phải giảm nhằm giảm bớt chi từ ngân sách nhà nước cho bộ máy.

Tôi cho rằng, trong thời gian tới, để tiếp tục tinh giản bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thì cần tiếp tục sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển các đơn vị sự nghiệp thành cơ chế tự chủ để giảm bộ máy, ăn lương từ ngân sách. Trước đây 70% ngân sách chi cho bộ máy, bây giờ còn 65% và tiếp tục cần giảm xuống 60 hoặc 55% để còn có tiền chi cho đầu tư phát triển và trả nợ, tránh việc đi vay để đầu tư còn bộ máy thì phình to.

Phóng viên: Trân trọng cảm ơn ông!

Nguồn: daidoanket.vn

SỬA TIÊU CHUẨN ĐẶC THÙ SẼ GIẢI QUYẾT CƠ BẢN VƯỚNG MẮC

Sau gần 6 năm thực hiện Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cả nước đã giảm được 8/713 đơn vị hành chính cấp huyện và 563/11.162 đơn vị hành chính cấp xã, khắc phục triệt để tình trạng chia tách làm tăng đơn vị hành chính. Tuy nhiên, quá trình thực hiện Nghị quyết đã phát sinh những khó khăn, vướng mắc, nhiều đơn vị hành chính chưa đạt tiêu chuẩn. Tại cuộc làm việc của Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ với các cơ quan liên quan về đề xuất sửa đổi Nghị quyết này, các đại biểu nhất trí trước mắt cần tập trung sửa đổi, bổ sung một số tiêu chuẩn đối với đơn vị hành chính có tính đặc thù sẽ giúp giải quyết cơ bản những vướng mắc hiện nay.

Nghị quyết vẫn đang phát huy giá trị tích cực

Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính là Nghị quyết đầu tiên của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về vấn đề này nhằm thực hiện quy định được giao tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015. Trước đó, các vấn đề liên quan đến lĩnh vực này thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

"Trước khi có Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 có tình trạng các địa phương rất thích chia tách, sáp nhập đơn vị hành chính, nhất là cấp xã. Vì thế, một số đại biểu Quốc hội cũng cho rằng, chúng ta còn dễ dãi quá, việc chia tách, sáp nhập đơn vị hành chính phải quản lý chặt chẽ hơn. Do đó, Luật Tổ chức chính quyền địa phương mới quy định thẩm quyền này cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội", Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Khắc Định nhắc lại "lịch sử" ra đời của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

Đến thời điểm này, sau gần 6 năm thực hiện Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13, đặc biệt là kết quả sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019 - 2021, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật Hoàng Thanh Tùng khẳng định, Nghị quyết vẫn đang phát huy giá trị tích cực, giúp kiểm soát chặt chẽ, hạn chế tối đa việc chia tách các đơn vị hành chính, tạo cơ sở pháp lý cho việc phân loại và sắp xếp, thu gọn số lượng các đơn vị hành chính.

Báo cáo tại cuộc làm việc, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà nêu rõ, đến nay, cả nước đã giảm được 8 đơn vị hành chính cấp huyện và 563 đơn vị hành chính cấp xã; đặc biệt, đã khắc phục triệt để tình trạng chia tách làm tăng đơn vị hành chính, tuyệt đối không phát sinh thêm đơn vị hành chính, được dư luận và Nhân dân đồng tình, ủng hộ. Các đơn vị hành chính sau khi thành lập, điều chỉnh địa giới và sắp xếp đã phù hợp hơn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Qua đó, đã tạo điều kiện để tinh gọn hơn một bước hệ thống hành chính cấp huyện, cấp xã, cho chúng ta thêm những bài học kinh nghiệm quý để đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 cũng như việc thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương về sắp xếp tổ chức, bộ máy hành chính.

Bên cạnh đó, lãnh đạo Bộ Nội vụ cũng cho biết, quá trình thực hiện Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 đã phát sinh những khó khăn, vướng mắc, nhiều đơn vị hành chính chưa đạt tiêu chuẩn. Tổng hợp báo cáo của các địa phương cho thấy, đến nay chỉ có 22,22% đơn vị hành chính cấp tỉnh, 17,59% đơn vị hành chính cấp huyện và 18,52% đơn vị hành chính cấp xã đạt đủ cả 2 tiêu chuẩn về quy mô dân số và diện tích tự nhiên.

Do đó, Chính phủ đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 theo hướng: tập trung vào sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn của đơn vị hành chính trong trường hợp đặc thù và giảm tiêu chuẩn số lượng đơn vị hành chính trực thuộc của 4 loại đơn vị hành chính (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, huyện, quận).

Cụ thể, Chính phủ đề xuất xác định một số đơn vị hành chính có tính chất đặc thù để được áp dụng mức thấp hơn của một số tiêu chuẩn về quy mô dân số, cơ cấu, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và tỷ lệ số đơn vị hành chính trực thuộc so với quy định chung gồm: đơn vị hành chính nông thôn ở miền núi, vùng cao hoặc biên giới; đơn vị hành chính đô thị có di sản văn hóa vật thể hoặc phi vật thể được Liên Hợp Quốc đưa vào danh mục di sản thế giới hoặc được xác định là trung tâm du lịch quốc tế trong các quy hoạch đã được phê duyệt. Giảm tiêu chuẩn số lượng đơn vị hành chính trực thuộc của tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, huyện, quận. Sửa đổi tiêu chuẩn về "tỷ lệ quận trên tổng số đơn vị hành chính cấp huyện" đối với thành phố trực thuộc Trung ương thành "tỷ lệ quận, thị xã, thành phố trực thuộc trên tổng

số đơn vị hành chính cấp huyện” để phù hợp với xu hướng phát triển lên thành phố trực thuộc Trung ương của một số đô thị. Chính phủ cũng đề xuất sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến cách tính điểm hoặc làm rõ việc xác định tiêu chuẩn khi phân loại đơn vị hành chính; hồ sơ, trình tự, thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân...

Không phải hạ thấp tiêu chuẩn để hoàn thành mục tiêu

Từ thực tiễn giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2019 - 2021, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật Hoàng Thanh Tùng nêu rõ, Thường trực Ủy ban Pháp luật tán thành quan điểm chưa nên thay đổi, điều chỉnh một cách toàn diện các tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tại thời điểm hiện nay để đảm bảo tính nhất quán, ổn định trong việc thực hiện chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính giai đoạn 2022 - 2030. Đồng thời, nhất trí phạm vi sửa đổi, bổ sung dự thảo Nghị quyết như đề xuất của Chính phủ: chỉ tập trung sửa đổi, bổ sung một số tiêu chuẩn, tiêu chí có yếu tố đặc thù để phù hợp hơn với điều kiện thực tế, kịp thời thể chế hóa một bước các chủ trương, chỉ đạo mới của Đảng, góp phần tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc của địa phương trong việc sắp xếp, kiện toàn các đơn vị hành chính.

Tuy vậy, qua rà soát, đối chiếu với các yêu cầu, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể được nêu trong các Nghị quyết của Trung ương, trao đổi, thảo luận kỹ lưỡng với các cơ quan liên quan, Thường trực Ủy ban Pháp luật cũng đặt ra nhiều nội dung cần tiếp tục sửa đổi, bổ sung trong dự thảo Nghị quyết.

Trong đó, cần điều chỉnh một số tiêu chuẩn áp dụng đối với đơn vị hành chính có di sản văn hóa thế giới để đáp ứng yêu cầu đặt ra tại Nghị quyết số 54-NQ/TW về xây dựng, phát triển tỉnh Thừa Thiên - Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Điều chỉnh một số tiêu chuẩn để bảo đảm có thể xác định được tỷ lệ % mức đạt được so với quy định áp dụng đối với đơn vị hành chính trong trường hợp đặc thù. Bổ sung một số trường hợp đơn vị hành chính có tính chất đặc thù có thể được áp dụng mức thấp hơn của một số tiêu chuẩn so với quy định như: đơn vị hành chính tại khu vực bãi ngang, bãi bồi ven biển, miền núi, vùng cao hoặc biên giới có từ 90% trở lên là người dân tộc thiểu số; đơn vị hành chính đô thị có định hướng phát triển theo hướng đặc thù như phát triển thành đô thị thông minh, sáng tạo, đô thị xanh...).

Thường trực Ủy ban Pháp luật cũng đề nghị bổ sung quy định về việc xác định tiêu chí tự cân đối thu chi ngân sách địa phương để tính điểm và phân loại đơn vị hành chính đối với các địa phương đang thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị theo Nghị quyết của Quốc hội. Điều chỉnh kéo dài hơn thời hạn thực hiện phân loại đơn vị hành chính sau khi thành lập, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính...

Với các định hướng sửa đổi và các vấn đề được Thường trực Ủy ban Pháp luật đặt ra, Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà cho rằng, “phương án thiết kế sửa đổi Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 như vậy là rõ và phù hợp. Bởi vướng mắc, bất cập nhất trong sắp xếp đơn vị hành chính vừa qua chính là chưa gắn với yếu tố văn hóa, dân tộc, lịch sử, đặc điểm dân cư, điều kiện địa lý, tự nhiên... - các yếu tố mang tính đặc thù mà tại Nghị quyết số

1211/2016/UBTVQH13 tuy đã có nêu nhưng chưa toàn diện, chưa đồng bộ. Nếu sửa được những nội dung như đề xuất cũng đã giải quyết được vấn đề rất căn cốt, cơ bản để tiếp tục thực hiện tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và cũng là cơ sở để tới đây Bộ Nội vụ xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính báo cáo Bộ Chính trị”.

Nếu không lựa chọn những vấn đề nêu trên để sửa trước, theo Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà, tới đây sẽ rất khó khăn cho việc sắp xếp đơn vị hành chính, phân loại đơn vị hành chính vì tiêu chuẩn tại Nghị quyết so với mặt bằng là khá cao. “Không phải chúng ta hạ thấp tiêu chuẩn xuống để hoàn thành mục tiêu mà là sửa đổi các nội dung chưa thật sự phù hợp khi xây dựng Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13”. Nhấn mạnh điều này, Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà cho biết thêm lộ trình: trước mắt tập trung sửa đổi một phần Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13, trọng tâm là các yếu tố đặc thù để có điều kiện triển khai sắp xếp ĐVHC giai đoạn 2022 - 2025; sau đó tiếp tục sơ kết, đánh giá và hoàn thiện một số yêu cầu đặt ra tại các văn kiện của Đảng, hoàn thiện quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính quốc gia, giải quyết sự chênh lệch giữa các đơn vị hành chính để đánh giá, tổng kết và đến năm 2030 sẽ triển khai đồng bộ, toàn diện.

Kết luận cuộc làm việc, Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Khắc Định yêu cầu Bộ Nội vụ, Ủy ban Pháp luật khẩn trương tiếp thu đầy đủ các ý kiến, thực hiện các quy trình thủ tục để hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết mới trình Chính phủ và Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong tháng 8/2022.

Tuy đã có sự thống nhất cao giữa các cơ quan về quan điểm, phạm vi sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13, nhưng đúng như yêu cầu của Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ, việc đề xuất sửa đổi, bổ sung các tiêu chuẩn cụ thể phải đánh giá hết sức thấu đáo, trên cơ sở thực tiễn, cơ sở khoa học về quản lý nhà nước, quản lý hành chính, các yếu tố về địa lý, dân cư, xã hội, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, phân cấp, phân quyền, các kinh nghiệm quốc tế về vấn đề này... chứ không thể cảm tính được!

Nguồn: daibieunhandan.vn

NHÂN RỘNG CÁC SÁNG KIẾN

Sáng kiến Giải quyết thủ tục hành chính 'không chờ' trong lĩnh vực Tư pháp (quận Hoàn Kiếm); sáng kiến Nhận diện khuôn mặt trong xếp hàng lấy số thứ tự giải quyết thủ tục hành chính (quận Hà Đông)... là những điểm sáng được nhiều người dân hưởng ứng trong cải cách hành chính tại Hà Nội thời gian qua.

Nhiều cách làm hay

Với chủ đề công tác “Kỷ cương, trách nhiệm, hành động, sáng tạo, phát triển”, năm 2022 thành phố Hà Nội xác định cải cách hành chính là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm. Chính vì thế, đã có những kết quả đáng khích lệ. Trong đó, Chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2020, Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) và Chỉ số cải cách hành

chính (PAR Index) năm 2021 của thành phố thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu của cả nước. Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) năm 2021 của thành phố đạt 87,11% (tăng 3 bậc so với năm 2020).

Tổng số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố là 1.895 thủ tục hành chính (trong đó khối sở và cơ quan tương đương sở: 1.522 thủ tục hành chính, cấp huyện là: 263 thủ tục hành chính và cấp xã: 110 thủ tục hành chính). Đến nay, 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Để tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, thành phố đã ban hành quy chế phối hợp thực hiện liên thông các thủ tục hành chính khi thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực: Kế hoạch và Đầu tư; Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp và Thuế trên địa bàn. Đồng thời, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai rà soát, thống kê, xây dựng quy trình giải quyết công việc nội bộ của các cơ quan hành chính thuộc thành phố. Tính đến ngày 30/5/2022, các cơ quan hành chính đã phê duyệt 3.431 quy trình nội bộ, trong đó: 568 quy trình giải quyết công việc cấp sở; 1.666 quy trình giải quyết công việc cấp huyện; 1.055 quy trình giải quyết công việc cấp xã; 142 quy trình liên thông giải quyết công việc nội bộ.

Đáng chú ý, một số cơ quan, đơn vị có sáng kiến, giải pháp và cách làm hay trong công tác cải cách hành chính. Điển hình như: Sáng kiến ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý các kỳ họp của Hội đồng nhân dân; thí điểm thực hiện cơ chế “Một cửa liên thông” trong giải quyết thủ tục hành chính “Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và Giấy chứng nhận đăng ký thuế cho hộ, cá nhân kinh doanh trên địa bàn quận (quận Cầu Giấy); sáng kiến về nhận diện khuôn mặt trong xếp hàng lấy số thứ tự giải quyết thủ tục hành chính (quận Hà Đông)...

Đặc biệt, sau 2 tháng thí điểm, mô hình 5 thủ tục hành chính không chờ bao gồm: Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản; chứng thực chữ ký trong các loại giấy tờ, văn bản; đăng ký kết hôn; đăng ký khai tử; cấp bản sao trích lục hộ tịch đã nhận được sự phản hồi tích cực của người dân trên địa bàn quận Hoàn Kiếm. Theo đó, thời gian giải quyết thủ tục hành chính liên quan chỉ mất 10 - 15 phút, hạn chế tình trạng nhận hồ sơ buổi sáng, buổi chiều trả kết quả. Giảm thời gian đi lại của người dân, khắc phục dần dần tâm lý chờ đợi kết quả hành chính.

Tăng cường kiểm tra công vụ

Phó Giám đốc Sở Nội vụ Hà Nội Nguyễn Mạnh Hùng cho biết, trong 6 tháng đầu năm 2022, Đoàn kiểm tra cải cách hành chính của thành phố đã kiểm tra trực tiếp tại Ủy ban nhân dân các quận: Cầu Giấy, Hoàn Kiếm, Hà Đông, Hoàng Mai, đồng thời kiểm tra từ 1 - 2 phường thuộc các quận nêu trên. Đoàn kiểm tra kiểm soát thủ tục hành chính của thành phố đã kiểm tra hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính tại 10 quận, huyện và 20 đơn vị cấp xã trên địa bàn thành phố. Qua kiểm tra cho thấy, hầu hết các đơn vị rất quan tâm tới công tác cải cách hành chính.

Tuy vậy, thực tế cũng cho thấy, công tác cải cách hành chính ở Hà Nội vẫn còn một số hạn chế cần sớm khắc phục. Trong đó, nổi lên sự phối hợp trong giải quyết công việc, thủ tục hành chính liên thông cùng cấp, theo ngành dọc còn chưa thực sự hiệu quả. Điều này ảnh

hường tới thời gian trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, nhất là các thủ tục liên quan đến đất đai, lao động, thương binh, xã hội; còn hồ sơ hành chính giải quyết bị chậm, muộn. Trong khi đó, một số cơ quan, đơn vị chưa thực hiện đúng chế độ thông tin báo cáo cải cách hành chính và chậm triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính thành phố giao...

Để đạt được các mục tiêu đề ra như: Chỉ số cải cách hành chính trong 10 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước; Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính đạt tối thiểu 86%; trên 99% số hồ sơ thủ tục hành chính được trả kết quả đúng hạn, trước hạn; 100% cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về văn hóa giao tiếp, ứng xử, kỹ năng giải quyết công việc... Hà Nội sẽ tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện, nâng cao các Chỉ số: năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh, hài lòng về sự phục vụ hành chính, cải cách hành chính; tăng cường kiểm tra công vụ, kiểm tra cải cách hành chính gắn với thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu. Đặc biệt, từ hiệu ứng tích cực của các sáng kiến, Hà Nội cần tổng kết, đánh giá và nhân rộng mô hình, giảm tải áp lực cho chính người thi hành công vụ (in giấy hẹn, giải thích nhiều lần...), cũng như người dân khi thực hiện thủ tục hành chính.

Nguồn: daibieunhandan.vn

CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, CÁC BỘ, NGÀNH: BAN HÀNH QUY ĐỊNH MỚI

*** Ngày 02/8/2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 50/2022/NĐ-CP quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.**

Theo đó, Nghị định này áp dụng đối với: 1. Viên chức có học hàm Giáo sư, Phó giáo sư; 2. Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp có yêu cầu tiêu chuẩn trình độ đào tạo là Tiến sĩ hoặc chuyên khoa II; 3. Giám định viên pháp y, giám định viên pháp y tâm thần; 4. Viên chức có chuyên môn, kỹ thuật cao trong một số lĩnh vực sự nghiệp đặc thù theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Việc nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với viên chức không quá 5 năm (60 tháng), tính từ thời điểm viên chức đủ tuổi nghỉ hưu theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu.

Trong thời gian thực hiện nghỉ hưu ở tuổi cao hơn, viên chức chỉ làm nhiệm vụ chuyên môn, không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và không được bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo.

Trong thời gian thực hiện nghỉ hưu ở tuổi cao hơn, nếu viên chức có nguyện vọng nghỉ làm việc hoặc đơn vị sự nghiệp không còn nhu cầu thì được giải quyết chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật.

Viên chức nghỉ hưu ở tuổi cao hơn nếu có đủ các điều kiện sau đây: a) Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu; b) Có đủ sức khỏe; c) Không đang trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật, bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc thi hành kỷ luật về đảng, chính quyền và có đơn đề nghị được kéo dài thời gian công tác...

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2022.

*** Ngày 03/8, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 929/QĐ-TTg phê duyệt mục tiêu, nhiệm vụ cung ứng các dịch vụ truyền hình tuyên truyền về đối ngoại; về phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai, hiểm họa phục vụ cộng đồng; về nông nghiệp - nông dân - nông thôn giai đoạn 2022 - 2025.**

Mục tiêu nhằm thông tin, tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước tới người Việt Nam ở nước ngoài, trong đó chú trọng quảng bá các giá trị về lịch sử, văn hóa dân tộc, vẻ đẹp đất nước, con người Việt Nam, tạo cầu nối giữa người dân trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài, đặc biệt là thế hệ trẻ.

Thông tin kịp thời, chính xác, hỗ trợ người dân trang bị kiến thức, kỹ năng thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, hiểm họa.

Thông tin nhằm nâng cao nhận thức, giúp bà con nông dân tích cực, chủ động tham gia có hiệu quả vào việc phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Nhiệm vụ của các dịch vụ truyền hình tuyên truyền là phải tổ chức sản xuất các chương trình truyền hình đảm bảo nội dung thông tin chính xác, kịp thời, khách quan, hữu ích, có tính chuyên biệt và hình thức thể hiện sinh động, hiện đại, hấp dẫn; đáp ứng các mục tiêu trên; thực hiện phát sóng các chương trình truyền hình trên các kênh chuyên biệt thông qua các hạ tầng truyền dẫn phát sóng truyền hình và tổ chức phân phối nội dung trực tuyến...

*** Ngày 02/8, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 926/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.**

Mục tiêu cụ thể là tập trung đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở địa bàn nông thôn. Kiểm chế và kéo giảm các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông và vi phạm pháp luật khác về an ninh, trật tự so với năm trước, mỗi địa phương kéo giảm ít nhất 05% số vụ phạm tội về trật tự xã hội so với thống kê năm 2019 (khi chưa xảy ra dịch COVID-19).

Đến hết năm 2025, có 99% số xã đạt chỉ tiêu 19.2 của tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; 50% số xã đạt chỉ tiêu 19.2 của tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao theo hướng bền vững.

Đến hết năm 2025, có ít nhất 60% đơn vị cấp huyện đạt chỉ tiêu 9.4 của tiêu chí số 9 về Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; 25% đơn vị cấp huyện đạt chỉ tiêu 9.1 của tiêu chí số 9 về An ninh, trật tự - Hành chính công trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao.

Để đạt được các mục tiêu trên, Chương trình cũng đề ra 7 nhiệm vụ và giải pháp gồm: 1. Hoàn thiện các văn bản pháp lý làm cơ sở cho việc thực hiện Chương trình: Rà soát, nghiên cứu và ban hành văn bản hướng dẫn tiêu chí về an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. 2. Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia bảo vệ an ninh, trật tự góp phần xây dựng nông thôn mới. 3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bảo đảm an ninh chính trị ở địa bàn nông thôn. 4. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bảo đảm trật tự, an toàn xã hội ở địa bàn nông thôn. 5. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở địa bàn nông thôn. 6. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an xã chính quy đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. 7. Tăng cường củng cố mối quan hệ phối hợp trong việc bảo đảm an ninh, trật tự ở địa bàn nông thôn.

*** Ngày 02/8, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 924/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 - 2025.**

Về phát triển chính quyền số trong xây dựng nông thôn mới, Chương trình phân đầu đến năm 2025, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được tổ chức đồng bộ, thống nhất trên nền tảng công nghệ số, ít nhất 90% hồ sơ công việc cấp trung ương, cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc cấp huyện và 60% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng.

Ít nhất 97% số xã đạt chuẩn chỉ tiêu 8.4 của Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới; 50% số xã đạt chuẩn chỉ tiêu 8.4 của Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông, 50% số xã đạt chuẩn chỉ tiêu số 15.2 của Tiêu chí số 15 về Hành chính công theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao.

Chương trình phân đầu có ít nhất 60% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 9.5 của Tiêu chí số 9 về An ninh trật tự - Hành chính công theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; 25% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 6.5 của Tiêu chí số 6 về Kinh tế, 25% đạt chỉ tiêu 9.2 của Tiêu chí số 9 về An ninh trật tự - Hành chính công theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao.

Phân đầu 100% cán bộ quản lý các cấp tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được tập huấn, nâng cao năng lực về chuyển đổi số.

Chương trình phân đầu phát triển kinh tế số, góp phần thúc đẩy kinh tế nông thôn. Cụ thể, ít nhất 70% xã có các hợp tác xã, 70% cấp huyện có các mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực và 50% các mô hình liên kết gắn với vùng nguyên liệu có ứng dụng công nghệ số.

Chương trình phân đầu có ít nhất 40% đơn vị (cấp xã, huyện) cung cấp ít nhất một dịch vụ thiết yếu (y tế, giáo dục, giám sát cộng đồng, an ninh trật tự, môi trường, văn hóa) và tổ chức lấy ý kiến phản hồi về sự hài lòng của người dân/cộng đồng về kết quả xây dựng nông thôn mới thông qua ứng dụng trực tuyến.

Phân đầu mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có ít nhất 01 mô hình thí điểm xã nông thôn mới thông minh theo lĩnh vực nổi trội nhất (kinh tế, du lịch nông thôn, môi trường, văn hoá...), làm cơ sở để tổng kết và đề xuất Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới thông minh giai đoạn 2026 - 2030.

Để đạt được mục tiêu trên, Chương trình đặt ra một số nhiệm vụ chủ yếu như: **Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy về chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới cho cấp ủy, chính quyền, cán bộ và cộng đồng dân cư; đẩy mạnh xây dựng chính quyền số trong xây dựng nông thôn mới; thúc đẩy kinh tế số trong phát triển kinh tế nông thôn.**

Đồng thời, tập trung phát triển xã hội số trong xây dựng nông thôn mới như đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong hoạt động lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới...

*** Ngày 21/7, Bộ trưởng Bộ Tài chính ký ban hành Thông tư số 44/2022/TT-BTC quy định quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý.**

Thông tư nêu rõ, 2 đối tượng được hưởng trợ cấp hàng tháng gồm: Cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong ngành công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg; quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội, đã phục viên, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg và Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg.

Bên cạnh đó, thực hiện trợ cấp hàng tháng và trợ cấp 1 lần đối với người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg.

Thực hiện trợ cấp 1 lần đối với một số đối tượng như: Quân nhân, cán bộ đi chiến trường B, C, K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được Đảng cử lại miền Nam sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 theo Nghị định số 23/1999/NĐ-CP; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg và Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg; thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg, thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến theo Nghị định số 112/2017/NĐ-CP; người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Campuchia theo Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg và Quyết định số 62/2015/QĐ-TTg...

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/9/2022.

*** Ngày 28/7, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ký ban hành Thông tư số 04/2022/TT-BVHTTDL hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.**

Theo đó, Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao cấp tỉnh là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có chức năng tuyển chọn, đào tạo chuyên môn, huấn luyện vận động viên thể thao; tổ chức tập luyện thể dục, biểu diễn và thi đấu thể thao; phối hợp hướng dẫn thực hiện phong trào thể dục, thể thao cho mọi người; thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công và phục vụ quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

Lãnh đạo Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao cấp tỉnh có Giám đốc và các Phó Giám đốc theo quy định. Giám đốc Trung tâm chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Trung tâm; Phó Giám đốc Trung tâm chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công.

Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao cấp tỉnh có phòng Hành chính, Tổng hợp và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ để triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Việc thành lập phòng và số lượng cấp phó của người đứng đầu phòng thuộc Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 và khoản 3 Điều 6 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/9/2022.

*** Ngày 30/6, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ký ban hành Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.**

Thông tư nêu rõ, một trong những nội dung quan trọng để thực hiện Tiêu dự án Giảm nghèo về thông tin là trang bị hệ thống thông tin cho các đồn biên phòng phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền thông tin đối ngoại tại các xã biên giới, hải đảo.

Mục đích nhằm đảm bảo phục vụ hoạt động thông tin, tuyên truyền cho người dân các xã biên giới, thu hút người dân tham gia các buổi sinh hoạt cộng đồng tại các đồn biên phòng, qua đó cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước tới người dân trên địa bàn; vận động Nhân dân tích cực vươn lên giảm nghèo, xây dựng và bảo vệ an ninh biên giới, đấu tranh phản bác các thông tin sai lệch về chủ quyền biên giới quốc gia; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới hình thức, phương thức thông tin, tuyên truyền phù hợp với tình hình mới tại các đồn biên phòng thuộc xã biên giới, hải đảo...

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 14/8/2022.

*** Ngày 26/7, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo vừa ban hành Thông tư số 12/2022/TT-BGDĐT về Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông.**

Mục tiêu chung của Chương trình là nhằm giúp học viên tiếp tục phát triển những phẩm chất, năng lực cần thiết đối với người lao động, ý thức và nhân cách công dân, khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời, hoàn thiện học vấn Trung học Phổ thông và định hướng nghề nghiệp phù hợp với năng lực, điều kiện và hoàn cảnh của bản thân, đáp ứng yêu cầu có thể tham gia vào thị trường lao động và tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp Trung học Phổ thông được thực hiện trong 3 năm học. Học viên vào học lớp 10 phải có bằng tốt nghiệp Trung học Cơ sở theo hình thức chính quy hoặc Giáo dục thường xuyên.

Chương trình bao gồm các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc; các môn học lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp; các chuyên đề học tập lựa chọn; các môn học và hoạt động giáo dục tự chọn.

Cụ thể, các môn học bắt buộc gồm 7 môn học, trong đó: Ngữ văn, Toán, Lịch sử là 3 môn học bắt buộc và 4 môn học lựa chọn trong số các môn học Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học, Công nghệ.

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là hoạt động giáo dục bắt buộc. Ngoài ra còn có các môn học, hoạt động tự chọn gồm Ngoại ngữ, Tiếng dân tộc thiểu số, Nội dung giáo dục địa phương.

Thời gian học của mỗi năm học là 35 tuần/lớp. Mỗi ngày học 1 buổi, mỗi buổi không bố trí quá 5 tiết học; mỗi tiết học 45 phút.

Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp Trung học Phổ thông được tổ chức linh hoạt theo các hình thức: Tập trung, vừa làm vừa học để phù hợp đặc điểm, nguyện vọng của người học, điều kiện dạy học của các địa phương; khuyến khích các địa phương tổ chức các hình thức dạy học kết hợp giữa dạy học trực tiếp và dạy học trực tuyến theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo...

Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông được thực hiện theo lộ trình: Từ năm học 2022 - 2023 đối với lớp 10. Từ năm học 2023 - 2024 đối với lớp 11 và Từ năm học 2024 - 2025 đối với lớp 12.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/9/2022.

*** Ngày 26/7, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký ban hành Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT quy định về liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài.**

Liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài là việc hợp tác giữa cơ sở giáo dục, đào tạo hoặc tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp trong lĩnh vực giáo dục tại Việt Nam (gọi là Cơ sở tổ chức thi của Việt Nam) với cơ quan, tổ chức, cơ sở đánh giá năng lực ngoại ngữ được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài (gọi là Cơ sở đánh giá năng lực ngoại ngữ của nước ngoài) thông qua văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng liên kết để thực hiện một trong những việc: đăng ký dự thi, sử dụng địa điểm, tổ chức thi, đánh giá năng lực ngoại ngữ và cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài tại Việt Nam.

Thông tư nêu rõ, chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài hợp pháp và có giá trị sử dụng phổ biến trên thế giới khi được cơ quan có thẩm quyền của nước sử dụng ngôn ngữ được thi cấp chứng chỉ là ngôn ngữ chính thức công nhận hoặc để xét duyệt hồ sơ nhập cư, nhập quốc tịch, cấp thị thực nhập cảnh cho công dân các nước có nhu cầu định cư, làm việc, nghiên cứu, học tập tại thời điểm phê duyệt liên kết tổ chức thi...

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ 10/9/2022.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Thủ tướng Chính phủ quyết định:

Bà Vũ Thị Mai, Thứ trưởng Bộ Tài chính nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01/8/2022.

Ông Nguyễn Ngọc Đông, Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01/8/2022.

Phê chuẩn kết quả miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Phan Văn Đa vì lý do sức khỏe.

Bổ nhiệm lại ông Bùi Ngọc Lam giữ chức vụ Phó Tổng Thanh tra Chính phủ, kể từ ngày 28/7/2022.

Bổ nhiệm lại ông Đinh Đắc Vĩnh giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam, kể từ ngày 10/8/2022.

* Bộ Quốc phòng:

Đại tá Trần Văn Bắc, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lai Châu được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tham mưu trưởng Quân khu 2.

Đại tá Hán Đức Nhu, Trưởng phòng Phòng Quân huấn, Bộ Tham mưu Quân khu 2 được bổ nhiệm giữ chức Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lai Châu.

* Tỉnh Lai Châu:

Ông Hoàng Hữu An, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, thôi giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Than Uyên nhiệm kỳ 2020 - 2025 được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng ban Ban Nội chính Tỉnh ủy, kể từ ngày 26/7/2022.

Ông Vương Thế Mẫn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ông Trần Văn Súng, Phó Giám đốc Sở Công Thương được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Bà Nguyễn Thị Thủy, Trưởng phòng Phòng Thông tin - Dân nguyện, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Ông Tạ Hồng Long, Phó Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ tỉnh được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Y tế.

Ông Phạm Quang Cường, Giám đốc Trung tâm Kiểm định và Phát triển khoa học công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.

*** Tỉnh Khánh Hòa:**

Ông Nguyễn Văn Thiện, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao, kể từ ngày 01/8/2022.

Ông Nguyễn Thanh Hà, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, kể từ ngày 01/8/2022.

Ông Võ Chí Vương, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy được tiếp nhận, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Nội vụ, kể từ ngày 01/8/2022.

Ông Huỳnh Mộng Giang, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh được tiếp nhận, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Ngoại vụ, kể từ ngày 01/8/2022.

*** Tỉnh Bình Dương:**

Ông Phan Công Thành, Phó Trưởng phòng Phòng Tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh, kể từ ngày 01/8/2022.

Ông Nguyễn Quốc Liêm, Trưởng phòng Phòng Chuyên môn 2, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Biên tập báo Bình Dương, kể từ ngày 01/8/2022.

Bà Phạm Thị Nghĩa, Trưởng phòng Phòng Hành chính - Tổ chức - Quản trị, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

*** Tỉnh Vĩnh Long:**

Ngày 03/8, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Long tổ chức Hội nghị công bố quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh.

Theo Quyết định, Ban Chỉ đạo Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh Vĩnh Long có 15 thành viên, gồm 1 trưởng ban, 5 phó trưởng ban và 9 ủy viên. Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bùi Văn Nghiêm làm Trưởng ban.

Nguồn: baohinhphu.vn